**BẢN SO SÁNH VÀ THUYẾT MINH DỰ THẢO THÔNG TƯ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU**

**CỦA THÔNG TƯ SỐ 19/2018/TT-NHNN NGÀY 30/3/2018 QUY ĐỊNH VỀ MẠNG LƯỚI HOẠT ĐỘNG**

**CỦA TỔ CHỨC TÍN DỤNG LÀ HỢP TÁC XÃ**

**I. Sự cần thiết xây dựng dự thảo Thông tư**

Việc ban hành Thông tư thay thế Thông tư số 19/2019/TT-NHNN ngày 05/11/2019 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quy định về mạng lưới hoạt động của tổ chức tài chính vi mô là cần thiết, xuất phát từ các lý do chủ yếu sau:

**1. Cơ sở pháp lý:**

- Điều 38 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2024 quy định:

“*Điều 38. Chi nhánh, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp, hiện diện thương mại của tổ chức tín dụng*

*1. Sau khi được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận bằng văn bản, tổ chức tín dụng được thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp ở trong nước; thành lập và chuyển đổi hình thức pháp lý hiện diện thương mại ở nước ngoài, bao gồm chi nhánh, văn phòng đại diện và các hình thức hiện diện thương mại khác ở nước ngoài.*

*2. Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quy định điều kiện, hồ sơ, thủ tục thành lập, chuyển đổi hình thức pháp lý, giải thể, chấm dứt hoạt động đơn vị quy định tại khoản 1 Điều này đối với từng loại hình tổ chức tín dụng.*

*3. Văn bản chấp thuận việc thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện ở trong nước của tổ chức tín dụng đồng thời là Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện.*

*4. Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quy định việc thông báo thông tin về thành lập, giải thể, chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện ở trong nước và các thông tin liên quan cho cơ quan đăng ký kinh doanh để cập nhật vào hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp, hợp tác xã.”.*

**2. Cơ sở thực tiễn:**

Mạng lưới hoạt động của tổ chức tài chính vi mô hiện được quy định tại Thông tư số 19/2019/TT-NHNN ngày 05/11/2019 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quy định về mạng lưới hoạt động của tổ chức tài chính vi mô (Thông tư số 19). Thông tư số 19 được xây dựng trên cơ sở Luật Các TCTD năm 2010 (đã sửa đổi, bổ sung) đã triển khai thực hiện từ năm 2019 đến nay, do đó, cần được sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với quy định tại Luật Các TCTD năm 2024 và thực tiễn hoạt động của các tổ chức tài chính vi mô.

Từ cơ sở pháp lý và cơ sở thực tiễn nêu trên, việc xây dựng Thông tư quy định về mạng lưới hoạt động của tổ chức tài chính vi mô là cần thiết.

**II. NGUYÊN TẮC, ĐỊNH HƯỚNG XÂY DỰNG THÔNG TƯ**

**1. Nguyên tắc xây dựng:**

- Quy định các nội dung được giao cho NHNN hướng dẫn tại Luật Các TCTD về mạng lưới hoạt động của tổ chức tài chính vi mô; việc NHNN thông báo thông tin các thông tin liên quan cho cơ quan đăng ký kinh doanh.

- Sửa đổi, bổ sung các quy định tại Thông tư số 19 cho phù hợp với quy định tại Luật Các TCTD năm 2024.

- Kế thừa các quy định còn phù hợp, không phát sinh vướng mắc khi triển khai thực hiện tại Thông tư số 19.

**2. Định hướng xây dựng:**

- Tạo cơ sở pháp lý đầy đủ cho hoạt động của các tổ chức tài chính vi mô.

- Phân cấp thẩm quyền trong cấp phép thành lập đơn vị mạng lưới của tổ chức tài chính vi mô cho phù hợp với chủ trương về cắt giảm thủ tục hành chính của Chính phủ.

- Đảm bảo điều kiện cấp phép thành lập đơn vị mạng lưới chặt chẽ, phù hợp với năng lực tài chính, quản trị, điều hành của tổ chức tài chính vi mô và tuân thủ pháp luật.

- Hướng hoạt động của tổ chức tài chính vi mô tập trung về vùng nông thôn.

**III. Bố cục của dự thảo Thông tư:**

Dự thảo Thông tư gồm 36 Điều chia làm 07 chương, cụ thể:

Chương I. Quy định chung

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Điều 4. Thẩm quyền chấp thuận về mạng lưới của tổ chức tài chính vi mô

Điều 5. Quy định về điểm giao dịch

Điều 6. Nội dung hoạt động của đơn vị sự nghiệp

Điều 7. Địa bàn, hoạt động và tên chi nhánh, phòng giao dịch

Điều 8. Số lượng chi nhánh, phòng giao dịch

Điều 9. Nguyên tắc lập, gửi hồ sơ, thông báo

Điều 10. Quy chế quản lý chi nhánh, phòng giao dịch, điểm giao dịch

Chương II. Thành lập chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp

Điều 11. Điều kiện thành lập chi nhánh

Điều 12. Điều kiện thành lập phòng giao dịch

Điều 13. Điều kiện thành lập văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp

Điều 14. Hồ sơ đề nghị chấp thuận thành lập chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp của tổ chức tài chính vi mô

Điều 15. Trình tự chấp thuận thành lập chi nhánh của tổ chức tài chính vi mô

Điều 16. Trình tự chấp thuận thành lập phòng giao dịch, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp của tổ chức tài chính vi mô

Điều 17. Khai trương hoạt động

Điều 18. Công bố thông tin về việc thành lập chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp

Chương III. Thay đổi tên, địa điểm đặt trụ sở chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp; thay đổi chi nhánh quản lý phòng giao dịch

Điều 19. Thay đổi tên chi nhánh, phòng giao dịch

Điều 20. Thay đổi địa điểm đặt trụ sở chi nhánh, phòng giao dịch

Điều 21. Thay đổi tên, địa điểm đặt trụ sở văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp

Điều 22. Thay đổi chi nhánh quản lý phòng giao dịch

Điều 23. Công bố thông tin về các nội dung thay đổi

Chương IV. Chấm dứt hoạt động, giải thể chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp

Điều 24. Chấm dứt hoạt động, giải thể chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp

Điều 25. Đương nhiên chấm dứt hoạt động, giải thể chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp

Điều 26. Tự nguyện chấm dứt hoạt động, giải thể chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp

Điều 27. Bắt buộc chấm dứt hoạt động, giải thể chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp

Điều 28. Công bố thông tin về việc chấm dứt hoạt động, giải thể chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp

Chương V. Thông báo cho cơ quan đăng ký kinh doanh

Điều 29. Tổ chức tài chính vi mô cung cấp thông tin cho Ngân hàng Nhà nước chi nhánh để thông báo cho cơ quan đăng ký kinh doanh

Điều 30. Thông báo thông tin cho cơ quan đăng ký kinh doanh

Chương VI. Trách nhiệm của các đơn vị

Điều 31. Trách nhiệm của tổ chức tài chính vi mô

Điều 32. Trách nhiệm của Ngân hàng Nhà nước chi nhánh nơi tổ chức tài chính vi mô đặt trụ sở chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp

Điều 33. Trách nhiệm của Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng

Chương VII. Điều khoản thi hành

Điều 34. Quy định chuyển tiếp

Điều 35. Hiệu lực thi hành

Điều 36. Tổ chức thực hiện

**IV. Bảng so sánh, thuyết minh các nội dung sửa đổi, bổ sung:**

| **TT** | **Quy định tại Thông tư số 19/2019/TT-NHNN** | **Quy định tại Dự thảo Thông tư** | **Nội dung so sánh, thuyết minh** |
| --- | --- | --- | --- |
|  | **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**  Thông tư này quy định về:  1. Thành lập, chấm dứt hoạt động, giải thể chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp ở trong nước của tổ chức tài chính vi mô; mở, chấm dứt hoạt động tại điểm giao dịch của tổ chức tài chính vi mô.  2. Thay đổi tên, địa điểm đặt trụ sở chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp của tổ chức tài chính vi mô; thay đổi chi nhánh quản lý phòng giao dịch của tổ chức tài chính vi mô. | **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**  Thông tư này quy định về:  1. Thành lập, **khai trương hoạt động,** chấm dứt hoạt động, giải thể chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp của tổ chức tài chính vi mô; mở, chấm dứt hoạt động tại điểm giao dịch của tổ chức tài chính vi mô.  2. Thay đổi tên, địa điểm đặt trụ sở chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp của tổ chức tài chính vi mô; thay đổi chi nhánh quản lý phòng giao dịch của tổ chức tài chính vi mô*.* | Bổ sung cho đầy đủ nội dung. |
|  |  | 3. Thông báo thông tin về thành lập, thay đổi địa điểm, giải thể, chấm dứt hoạt động chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện và các thông tin liên quan cho cơ quan đăng ký kinh doanh. | Bổ sung để đảm bảo quy định tại Điều 38 Luật Các TCTD. |
|  | 3. Chuyển đổi các đơn vị trực thuộc chương trình, dự án tài chính vi mô thành chi nhánh, phòng giao dịch, đơn vị sự nghiệp, văn phòng đại diện của tổ chức tài chính vi mô. |  | Không quy định để phù hợp với định hướng về chuyển đổi chương trình, dự án tài chính vi mô tại Nghị định của Chính phủ quy định về chương trình, dự án tài chính vi mô của tổ chức chính trị-xã hội, tổ chức phi chính phủ. |
|  | **Điều 2. Đối tượng áp dụng**  1. Tổ chức tài chính vi mô.  2. Tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc thành lập, chấm dứt hoạt động, giải thể chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp; mở, chấm dứt hoạt động tại điểm giao dịch; thay đổi tên, địa điểm đặt trụ sở chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp; thay đổi chi nhánh quản lý phòng giao dịch; chuyển đổi đơn vị trực thuộc chương trình, dự án tài chính vi mô thành chi nhánh, phòng giao dịch, đơn vị sự nghiệp, văn phòng đại diện của tổ chức tài chính vi mô. | **Điều 2. Đối tượng áp dụng**  1. Tổ chức tài chính vi mô.  2. Tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc thành lập, khai trương hoạt động, chấm dứt hoạt động, giải thể chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp; mở, chấm dứt hoạt động tại điểm giao dịch; thay đổi tên, địa điểm đặt trụ sở chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp; thay đổi chi nhánh quản lý phòng giao dịch của tổ chức tài chính vi mô. | Chỉnh sửa kỹ thuật cho phù hợp với phạm vi điều chỉnh tại dự thảo Thông tư. |
|  | **Điều 3. Giải thích từ ngữ**  Trong Thông tư này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:  1. Mạng lưới hoạt động của tổ chức tài chính vi mô bao gồm chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp ở trong nước.  2. Chi nhánh là đơn vị phụ thuộc của tổ chức tài chính vi mô, có con dấu, có nhiệm vụ thực hiện một hoặc một số chức năng của tổ chức tài chính vi mô theo quy định nội bộ và quy định của pháp luật.  3. Phòng giao dịch là loại hình chi nhánh, đơn vị phụ thuộc của tổ chức tài chính vi mô, được quản lý bởi một chi nhánh của tổ chức tài chính vi mô, có con dấu, có địa điểm đặt trụ sở trên địa bàn hoạt động của chi nhánh quản lý, có nhiệm vụ thực hiện một hoặc một số chức năng của tổ chức tài chính vi mô theo quy định nội bộ và quy định của pháp luật.  4. Văn phòng đại diện là đơn vị phụ thuộc của tổ chức tài chính vi mô, có con dấu, thực hiện chức năng đại diện theo ủy quyền của tổ chức tài chính vi mô. Văn phòng đại diện không được thực hiện hoạt động kinh doanh.  5. Đơn vị sự nghiệp là đơn vị phụ thuộc của tổ chức tài chính vi mô, có con dấu, thực hiện một hoặc một số hoạt động hỗ trợ hoạt động kinh doanh của tổ chức tài chính vi mô theo quy định tại Điều 6 Thông tư này.  6. Thời điểm đề nghị là ngày, tháng, năm ghi trên văn bản đề nghị thành lập chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp của tổ chức tài chính vi mô. | **Điều 3. Giải thích từ ngữ**  Trong Thông tư này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:  1. Mạng lưới hoạt động của tổ chức tài chính vi mô bao gồm chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp ở trong nước.  2. Chi nhánh là đơn vị phụ thuộc của tổ chức tài chính vi mô, có con dấu, có nhiệm vụ thực hiện một hoặc một số chức năng của tổ chức tài chính vi mô theo quy định nội bộ **của tổ chức tài chính vi mô** và quy định của pháp luật.  3. Phòng giao dịch là loại hình chi nhánh, đơn vị phụ thuộc của tổ chức tài chính vi mô, được quản lý bởi một chi nhánh của tổ chức tài chính vi mô, có con dấu, có địa điểm đặt trụ sở trên địa bàn hoạt động của chi nhánh quản lý, có nhiệm vụ thực hiện một hoặc một số chức năng của tổ chức tài chính vi mô theo quy định nội bộ **của tổ chức tài chính vi mô** và quy định của pháp luật.  4. Văn phòng đại diện là đơn vị phụ thuộc của tổ chức tài chính vi mô, có con dấu, thực hiện chức năng đại diện theo ủy quyền của tổ chức tài chính vi mô. Văn phòng đại diện không được thực hiện hoạt động kinh doanh.  5. Đơn vị sự nghiệp là đơn vị phụ thuộc của tổ chức tài chính vi mô, có con dấu, thực hiện một hoặc một số hoạt động hỗ trợ hoạt động kinh doanh của tổ chức tài chính vi mô theo quy định tại Điều 6 Thông tư này.  6. Thời điểm đề nghị là ngày, tháng, năm ghi trên văn bản đề nghị thành lập chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp của tổ chức tài chính vi mô. | Kế thừa nội dung quy định tai Thông tư số 19, chỉnh sửa kỹ thuật cho rõ ràng, hợp lý hơn. |
|  |  | 7. Vùng nông thôn là khu vực địa giới hành chính không bao gồm địa bàn phường thuộc thị xã, quận và thành phố.  8. Người đứng đầu là Giám đốc chi nhánh, Trưởng phòng giao dịch, người đứng đầu văn phòng đại diện.  9. Thông tin về người đứng đầu bao gồm họ và tên, giới tính, ngày sinh, dân tộc, quốc tịch, loại giấy tờ pháp lý của cá nhân, số giấy tờ pháp lý của cá nhân, ngày cấp, nơi cấp, địa chỉ thường trú và địa chỉ liên lạc.  10. Thông tin về tên của đơn vị mạng lưới bao gồm tên, tên viết bằng tiếng nước ngoài, tên viết tắt.  11. Thông tin về địa chỉ của đơn vị mạng lưới bao gồm địa chỉ, điện thoại, fax, email, website. | - Bổ sung giải thích từ ngữ đối với vùng nông thôn để làm cơ sở xác định địa bàn hoạt động của các đơn vị mạng lưới.  **-** Bổ sung giải thích từ ngữ đối với người đứng đầu, thông tin về người đứng đầu, thông tin về tên, địa chỉ của đơn vị mạng lưới để tránh trùng lặp thông tin quy định tại các điều, khoản tại dự thảo Thông tư; đồng thời để thực hiện quy định về thông báo thông tin cho cơ quan đăng ký kinh doanh để cập nhật vào hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp, hợp tác xã để hướng dẫn các nội dung tại Luật Các TCTD. |
|  | **Điều 4. Thẩm quyền chấp thuận về mạng lưới của tổ chức tài chính vi mô**  1. Thẩm quyền của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam:  a) Chấp thuận thành lập chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp của tổ chức tài chính vi mô;  b) Bắt buộc chấm dứt hoạt động, giải thể chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện và đơn vị sự nghiệp của tổ chức tài chính vi mô; | **Điều 4. Thẩm quyền chấp thuận về mạng lưới của tổ chức tài chính vi mô**  1. Thẩm quyền của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam:  a) Chấp thuận thành lập chi nhánh của tổ chức tài chính vi mô;  b) Bắt buộc chấm dứt hoạt động, giải thể chi nhánh của tổ chức tài chính vi mô; |  |
|  |  | c) Chấp thuận các nội dung về mạng lưới hoạt động của tổ chức tài chính vi mô để thực hiện phương án cơ cấu lại tổ chức tài chính vi mô được kiểm soát đặc biệt đã được phê duyệt trên cơ sở trình tự, thủ tục quy định tại Thông tư này. | Bổ sung quy định để làm cơ sở cho việc chấp thuận các nội dung về mạng lưới hoạt động của tổ chức tài chính vi mô được kiểm soát đặc biệt. |
|  | c) Chấp thuận chuyển đổi các đơn vị trực thuộc chương trình, dự án tài chính vi mô thành chi nhánh, phòng giao dịch, đơn vị sự nghiệp, văn phòng đại diện của tổ chức tài chính vi mô. |  | Không quy định để phù hợp với phạm vi điều chỉnh của dự thảo Thông tư. |
|  |  | 2. Thẩm quyền của Chánh Thanh tra, giám sát ngân hàng:  a) Chấp thuận thành lập phòng giao dịch, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp của tổ chức tài chính vi mô;  b) Bắt buộc chấm dứt hoạt động, giải thể phòng giao dịch, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp của tổ chức tài chính vi mô. | Quy định thẩm quyền chấp thuận mạng lưới của Thống đốc và thẩm quyền chấp thuận mạng lưới của Chánh Thanh tra, giám sát ngân hàng, Giám đốc của NHNN chi nhánh tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương để thực hiện phân cấp TTHC, nhằm giảm tầng nấc, khâu trung gian, tạo sự chủ động trong quá trình xử lý. |
|  | 2. Thẩm quyền của Giám đốc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương:  a) Chấp thuận thay đổi địa điểm đặt trụ sở chi nhánh, phòng giao dịch của tổ chức tài chính vi mô trên địa bàn (bao gồm cả trường hợp thay đổi địa điểm trước khi khai trương hoạt động);  b) Chấp thuận việc tự nguyện chấm dứt hoạt động, giải thể chi nhánh, phòng giao dịch của tổ chức tài chính vi mô. | 3. Thẩm quyền của Giám đốc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương:  a) Chấp thuận thay đổi địa điểm đặt trụ sở chi nhánh, phòng giao dịch của tổ chức tài chính vi mô trên địa bàn (bao gồm cả trường hợp thay đổi địa điểm trước khi khai trương hoạt động);  b) Chấp thuận việc tự nguyện chấm dứt hoạt động, giải thể chi nhánh, phòng giao dịch của tổ chức tài chính vi mô. | Kế thừa quy định tại Thông tư số 19 do vẫn phù hợp. |
|  | **Điều 5. Quy định về điểm giao dịch**  1. Tố chức tài chính vi mô quyết định và chịu trách nhiệm về việc mở, chấm dứt hoạt động tại điểm giao dịch do chi nhánh, phòng giao dịch quản lý trong phạm vi địa bàn hoạt động của chi nhánh, phòng giao dịch đó theo Quy chế quản lý hoạt động tại điểm giao dịch và quy định tại Thông tư này. Việc mở, chấm dứt hoạt động tại điểm giao dịch phải được thông báo cho Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn nơi điểm giao dịch hoạt động trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày tổ chức tài chính vi mô quyết định mở hoặc chấm dứt hoạt động tại điểm giao dịch.  2. Chi nhánh, phòng giao dịch của tổ chức tài chính vi mô chỉ được thực hiện một hoặc một số hoạt động sau tại điểm giao dịch:  a) Nghiên cứu, tìm hiểu, giới thiệu khách hàng;  b) Tư vấn, hướng dẫn việc thành lập nhóm khách hàng tiết kiệm và vay vốn;  c) Tư vấn, hướng dẫn cho khách hàng về các sản phẩm, dịch vụ, hồ sơ vay vốn; tiếp nhận hồ sơ vay vốn; giải ngân và thu nợ đối với những hợp đồng tín dụng đã ký giữa chi nhánh hoặc phòng giao dịch với khách hàng; | **Điều 5. Quy định về điểm giao dịch**  1. Tổ chức tài chính vi mô quyết định và chịu trách nhiệm về việc mở, chấm dứt hoạt động tại điểm giao dịch do chi nhánh, phòng giao dịch quản lý trong phạm vi địa bàn hoạt động của chi nhánh, phòng giao dịch đó theo Quy chế quản lý hoạt động tại điểm giao dịch và quy định tại Thông tư này. Việc mở, chấm dứt hoạt động tại điểm giao dịch phải được thông báo cho Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn nơi điểm giao dịch hoạt động trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày tổ chức tài chính vi mô quyết định mở hoặc chấm dứt hoạt động tại điểm giao dịch.  2. Chi nhánh, phòng giao dịch của tổ chức tài chính vi mô chỉ được thực hiện một hoặc một số hoạt động sau tại điểm giao dịch:  a) Nghiên cứu, tìm hiểu, giới thiệu khách hàng;  b) Tư vấn, hướng dẫn việc thành lập nhóm khách hàng tiết kiệm và vay vốn **(sau đây gọi là tổ vay vốn)**;  c) Tư vấn, hướng dẫn cho khách hàng về các sản phẩm, dịch vụ, hồ sơ vay vốn; tiếp nhận hồ sơ vay vốn; giải ngân và thu nợ đối với những hợp đồng tín dụng đã ký giữa chi nhánh hoặc phòng giao dịch với khách hàng; | Kế thừa nội dung quy định tai Thông tư số 19, chỉnh sửa kỹ thuật cho rõ ràng, hợp lý hơn. |
|  | d) Nhận tiết kiệm bắt buộc, tiết kiệm tự nguyện của một khách hàng tài chính vi mô không quá 1.000.000 đồng trong 01 ngày; | d) Nhận **tiền gửi tự nguyện** **trực tiếp** của một khách hàng tài chính vi mô **không quá 1,5 triệu đồng** trong 01 ngày; | - Không giới hạn mức nhận tiết kiệm bắt buộc của một khách hàng tài chính vi mô trong một ngày như quy định tại Thông tư số 19 do về bản chất tiết kiệm bắt buộc được coi như tài sản bảo đảm cho khoản vay của khách hàng tài chính vi mô tại tổ chức TCVM. Do vậy, sẽ không phát sinh rủi ro đối với người gửi tiền tiết kiệm bắt buộc.  + Nâng giới hạn nhận tiền gửi tự nguyện của một khách hàng tài chính vi mô trong một ngày từ mức 01 triệu đồng tại Thông tư số 19 lên 1,5 triệu đồng cho phù hợp với mức tăng thu nhập tương ứng với tốc độ phát triển kinh tế-xã hội trong thời gian qua của khách hàng tài chính vi mô. |
|  | đ) Chi trả tiết kiệm bắt buộc, tiết kiệm tự nguyện của khách hàng tài chính vi mô.  3. Trong thời hạn 05 ngày làm việc đầu tiên của tháng đầu tiên hàng quý, tổ chức tài chính vi mô hoặc chi nhánh của tổ chức tài chính vi mô gửi văn bản thông báo danh sách các điểm giao dịch qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tiếp tại trụ sở Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nơi đặt trụ sở chi nhánh của tổ chức tài chính vi mô. Văn bản thông báo danh sách các điểm giao dịch phải có tối thiểu các nội dung sau:  a) Danh sách các điểm giao dịch hoạt động tại địa bàn tỉnh, thành phố tính đến hết ngày làm việc cuối cùng của quý trước, trong đó có các thông tin về tên chi nhánh, phòng giao dịch chịu trách nhiệm quản lý hoạt động điểm giao dịch và địa điểm nơi điểm giao dịch hoạt động;  b) Danh sách các điểm giao dịch đã mở và chấm dứt hoạt động trong quý trước. | đ) Chi trả tiết kiệm bắt buộc, tiền gửi tự nguyện của khách hàng tài chính vi mô.  3. Trong thời hạn 05 ngày làm việc đầu tiên của tháng đầu tiên hằng quý, tổ chức tài chính vi mô hoặc chi nhánh của tổ chức tài chính vi mô gửi văn bản thông báo danh sách các điểm giao dịch qua dịch vụ bưu chính hoặc nộp trực tiếp tại trụ sở Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương **(sau đây gọi là Ngân hàng Nhà nước chi nhánh)** nơi đặt trụ sở chi nhánh của tổ chức tài chính vi mô. Văn bản thông báo danh sách các điểm giao dịch phải có tối thiểu các nội dung sau:  a) Danh sách các điểm giao dịch hoạt động tại địa bàn tỉnh, thành phố tính đến hết ngày làm việc cuối cùng của quý trước, trong đó có các thông tin về tên chi nhánh, phòng giao dịch chịu trách nhiệm quản lý hoạt động điểm giao dịch và địa điểm nơi điểm giao dịch hoạt động;  b) Danh sách các điểm giao dịch đã mở và chấm dứt hoạt động trong quý trước. | Kế thừa nội dung quy định tai Thông tư số 19, chỉnh sửa kỹ thuật cho rõ ràng, hợp lý hơn. |
|  | **Điều 6. Nội dung hoạt động của đơn vị sự nghiệp**  Đơn vị sự nghiệp của tổ chức tài chính vi mô thực hiện một hoặc một số hoạt động hỗ trợ hoạt động kinh doanh của tổ chức tài chính vi mô, bao gồm:  1. Nghiên cứu, đề xuất ứng dụng công nghệ cho tổ chức tài chính vi mô.  2. Đào tạo và bồi dưỡng nghiệp vụ, kỹ thuật cho người điều hành, lãnh đạo các phòng, ban và nhân viên của tổ chức tài chính vi mô.  3. Lưu trữ cơ sở dữ liệu, thu thập, xử lý thông tin phục vụ hoạt động kinh doanh của tổ chức tài chính vi mô.  4. Các hoạt động khác hỗ trợ hoạt động kinh doanh của tổ chức tài chính vi mô phù hợp với quy định của pháp luật. | **Điều 6. Nội dung hoạt động của đơn vị sự nghiệp**  Đơn vị sự nghiệp của tổ chức tài chính vi mô thực hiện một hoặc một số hoạt động hỗ trợ hoạt động kinh doanh của tổ chức tài chính vi mô, bao gồm:  1. Nghiên cứu, đề xuất ứng dụng công nghệ cho tổ chức tài chính vi mô.  2. Đào tạo và bồi dưỡng nghiệp vụ, kỹ thuật cho người điều hành, lãnh đạo các phòng, ban và nhân viên của tổ chức tài chính vi mô.  3. Lưu trữ cơ sở dữ liệu, thu thập, xử lý thông tin phục vụ hoạt động kinh doanh của tổ chức tài chính vi mô.  4. Các hoạt động khác hỗ trợ hoạt động kinh doanh của tổ chức tài chính vi mô phù hợp với quy định của pháp luật. | Kế thừa nội dung tại Thông tư số 19 do vẫn phù hợp. |
|  | **Điều 7. Địa bàn hoạt động và tên chi nhánh, phòng giao dịch**  1. Chi nhánh của tổ chức tài chính vi mô hoạt động trong phạm vi địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nơi đặt trụ sở của chi nhánh.  2. Phòng giao dịch hoạt động trong phạm vi địa bàn hoạt động của chi nhánh quản lý. | **Điều 7. Địa bàn, hoạt động và tên chi nhánh, phòng giao dịch**  1. Phòng giao dịch hoạt động trong phạm vi địa bàn hoạt động của chi nhánh quản lý. | Bỏ quy định về địa bàn hoạt động của chi nhánh cho phù hợp với thực tế hoạt động của tổ chức tài chính vi mô |
|  |  | 2. Việc cho vay của chi nhánh, phòng giao dịch được thực hiện như sau:  a) Cho vay khách hàng là hộ nghèo, hộ cận nghèo cư trú hợp pháp trong phạm vi tỉnh, thành phố nơi đặt trụ sở chi nhánh, phòng giao dịch;  b) Cho vay khách hàng là cá nhân thuộc hộ nghèo, cá nhân thuộc hộ cận nghèo, người lao động tự do, hộ gia đình có thu nhập thấp chỉ được thực hiện thông qua tổ vay vốn và thuộc danh sách được tổ chức chính trị - xã hội, chính quyền địa phương các cấp trong phạm vi tỉnh, thành phố nơi đặt trụ sở chi nhánh, phòng giao dịch phê duyệt hoặc giới thiệu cho tổ chức tài chính vi mô. Tổ chức tài chính vi mô phải xác định được nơi cư trú hợp pháp của khách hàng trong tổ vay vốn, bao gồm cả các khách hàng không cùng cư trú trên cùng một địa bàn dân cư thuộc đơn vị hành chính xã, phường, thị trấn.  c) Cho vay khách hàng là người lao động theo hợp đồng làm việc tại doanh nghiệp đang hoạt động trên địa bàn tỉnh, thành phố nơi đặt trụ sở chi nhánh, phòng giao dịch. | Quy định để làm cơ sở cho các tổ chức TCVM thực hiện. Nội dung quy định phù hợp với quy định về cho vay của tổ chức TCVM tại Thông tư số 33/2024/TT-NHNN. |
|  | 3. Tên chi nhánh, phòng giao dịch của tổ chức tài chính vi mô phải đảm bảo phù hợp với các quy định của pháp luật có liên quan và được đặt như sau:  a) Tên chi nhánh: Tên đầy đủ của Tổ chức tài chính vi mô - Chi nhánh (tên chi nhánh);  b) Tên phòng giao dịch: Tên đầy đủ của Tổ chức tài chính vi mô - Chi nhánh (tên chi nhánh quản lý phòng giao dịch) - Phòng giao dịch (tên Phòng giao dịch).  4. Trường hợp thay đổi địa giới hành chính dẫn đến thay đổi địa bàn hoạt động của chi nhánh hoặc phòng giao dịch, thay đổi địa chỉ của trụ sở chi nhánh, phòng giao dịch (không thay đổi địa điểm đặt trụ sở chi nhánh, phòng giao dịch), tổ chức tài chính vi mô không phải điều chỉnh theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này. Tổ chức tài chính vi mô có văn bản thông báo gửi Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nơi chi nhánh, phòng giao dịch của tổ chức tài chính vi mô đặt trụ sở (sau đây gọi là Ngân hàng Nhà nước chi nhánh) về việc thay đổi này trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày thay đổi địa giới hành chính. | 3. Tên chi nhánh, phòng giao dịch của tổ chức tài chính vi mô phải đảm bảo phù hợp với các quy định của pháp luật có liên quan và được đặt như sau:  a) Tên chi nhánh: Tên đầy đủ của Tổ chức tài chính vi mô - Chi nhánh (tên chi nhánh);  b) Tên phòng giao dịch: Tên đầy đủ của Tổ chức tài chính vi mô - Chi nhánh (tên chi nhánh quản lý phòng giao dịch) - Phòng giao dịch (tên Phòng giao dịch).  4. Trường hợp thay đổi địa giới hành chính dẫn đến thay đổi địa bàn hoạt động của chi nhánh hoặc phòng giao dịch, thay đổi địa chỉ của trụ sở chi nhánh, phòng giao dịch (không thay đổi địa điểm đặt trụ sở chi nhánh, phòng giao dịch), tổ chức tài chính vi mô không phải điều chỉnh theo quy định tại khoản 1 Điều này. Tổ chức tài chính vi mô có văn bản thông báo gửi Ngân hàng Nhà nước nơi chi nhánh, phòng giao dịch của tổ chức tài chính vi mô đặt trụ sở về việc thay đổi này trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày thay đổi địa giới hành chính. | Kế thừa nội dung quy định tai Thông tư số 19, chỉnh sửa kỹ thuật cho rõ ràng, hợp lý hơn. |
|  | **Điều 8. Số lượng chi nhánh**  Số lượng chi nhánh của tổ chức tài chính vi mô bao gồm số chi nhánh đã thành lập và số chi nhánh đang đề nghị thành lập phải đảm bảo:  03 tỷ đồng \* N< C  Trong đó:  - C là giá trị thực của vốn điều lệ của tổ chức tài chính vi mô được xác định bằng vốn điều lệ cộng (trừ) lợi nhuận lũy kế chưa phân phối (lỗ lũy kế chưa xử lý) được phản ánh trên sổ sách kế toán đến thời điểm gần nhất với thời điểm đề nghị;  - N là số chi nhánh đã thành lập và đề nghị thành lập. | Điều 8. Số lượng chi nhánh, phòng giao dịch 1. Số lượng chi nhánh, phòng giao dịch của tổ chức tài chính vi mô được thành lập phải đảm bảo:  Trong đó:  - C là giá trị thực của vốn điều lệ của tổ chức tài chính vi mô được xác định bằng vốn điều lệ cộng (trừ) lợi nhuận lũy kế chưa phân phối (lỗ lũy kế chưa xử lý) được phản ánh trên sổ sách kế toán đến thời điểm gần nhất với thời điểm đề nghị.  - N là số lượng chi nhánh đã thành lập và đang đề nghị thành lập.  - M1 là số lượng phòng giao dịch đã thành lập và đang đề nghị thành lập tại khu vực không phải là vùng nông thôn.  - M2 là số lượng phòng giao dịch đã thành lập và đang đề nghị thành lập tại vùng nông thôn.  2. Việc xác định địa điểm của chi nhánh, phòng giao dịch đã thành lập và đang đề nghị thành lập thuộc các khu vực quy định tại khoản 1 Điều này được căn cứ vào khu vực địa giới hành chính tại thời điểm đề nghị và tại thời điểm chấp thuận.  3. Số lượng chi nhánh được thành lập phải đảm bảo các quy định sau:  a) Tổ chức tài chính vi mô có thời gian hoạt động dưới 12 tháng tính từ ngày khai trương hoạt động đến thời điểm đề nghị được thành lập không quá 02 chi nhánh trong một năm tài chính;  b) Tổ chức tài chính vi mô có thời gian hoạt động từ 12 tháng trở lên tính từ ngày khai trương hoạt động đến thời điểm đề nghị được thành lập không quá 03 chi nhánh trong một năm tài chính;  c) Ngoài số lượng quy định tại điểm b khoản này, tổ chức tài chính vi mô đã hoàn tất thủ tục tự nguyện chấm dứt hoạt động chi nhánh sẽ được thành lập số chi nhánh tương ứng với số chi nhánh đã chấm dứt hoạt động.  4. Số lượng phòng giao dịch được quản lý bởi một chi nhánh do tổ chức tài chính vi mô tự quyết định phù hợp với năng lực quản lý của mỗi chi nhánh nhưng phải đảm bảo:  a) Một chi nhánh tại vùng nông thôn được quản lý không quá 07 phòng giao dịch;  b) Một chi nhánh tại khu vực không phải vùng nông thôn quản lý được quản lý không quá 05 phòng giao dịch. | - Đối với phòng giao dịch: Hiện một số tổ chức TCVM đang sử dụng đòn bẩy tài chính ở mức cao, dẫn đến có thể gia tăng rủi ro khi mở rộng hoạt động, đồng thời, để tránh việc tổ chức TCVM mở rộng mạng lưới tràn lan, vượt quá năng lực quản lý, dự thảo Thông tư có quy định: (i) mức vốn cần thiết mà tổ chức TCVM phải đảm bảo để được mở một phòng giao dịch; (ii) số lượng phòng giao dịch mà tổ chức TCVM được phép thành lập được tính chung cùng số lượng chi nhánh được phép thành lập.  Ngoài ra, để đảm bảo mục tiêu hướng hoạt động của tổ chức TCVM về vùng nông thôn, dự thảo Thông tư quy định mức vốn cần thiết để mở phòng giao dịch tại vùng nông thôn thấp hơn so với mở phòng giao dịch tại khu vực không phải vùng nông thôn.  - Đối với chi nhánh: Dự thảo Thông tư kế thừa quy định tại Thông tư số 19 về mức vốn cần thiết để thành lập một chi nhánh và số lượng chi nhánh mà tổ chức TCVM được phép thành lập được căn cứ theo mức vốn điều lệ thực có của tổ chức TCVM. Quy định này được kế thừa từ Thông tư số 19 do vẫn phù hợp với thực tế và chưa có phát sinh vướng mắc trong quá trình thực hiện.  - Đối với số lượng phòng giao dịch do một chi nhánh quản lý: Để đảm bảo mục tiêu hướng hoạt động của tổ chức TCVM về vùng nông thôn, dự thảo Thông tư quy định một chi nhánh tại vùng nông thôn được quản lý nhiều phòng giao dịch hơn một chi nhánh tại khu vực không phải vùng nông thôn. |
|  | **Điều 9. Nguyên tắc lập, gửi hồ sơ, thông báo**  1. Hồ sơ phải được lập bằng tiếng Việt. Các tài liệu trong hồ sơ phải là bản chính hoặc bản sao từ sổ gốc, bản sao có chứng thực hoặc bản sao có xuất trình bản chính để đối chiếu. Trường hợp người nộp hồ sơ nộp bản sao kèm xuất trình bản chính để đối chiếu, người đối chiếu phải ký xác nhận vào bản sao và chịu trách nhiệm về tính chính xác của bản sao so với bản chính. Trong mỗi bộ hồ sơ phải có danh mục tài liệu.  2. Văn bản đề nghị, thông báo của tổ chức tài chính vi mô phải do người đại diện hợp pháp của tổ chức tài chính vi mô ký. Trường hợp ký theo ủy quyền, hồ sơ phải có văn bản ủy quyền được lập phù hợp với quy định của pháp luật.  3. Hồ sơ, thông báo của tổ chức tài chính vi mô được gửi qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tiếp tại trụ sở Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (sau đây gọi là Ngân hàng Nhà nước), Ngân hàng Nhà nước chi nhánh. | Điều 9. Nguyên tắc lập, gửi hồ sơ, thông báo 1. Hồ sơ phải được lập bằng tiếng Việt. Các tài liệu trong hồ sơ phải là bản chính hoặc bản sao từ sổ gốc, bản sao có chứng thực hoặc bản sao có xuất trình bản chính để đối chiếu. Trường hợp người nộp hồ sơ nộp bản sao kèm xuất trình bản chính để đối chiếu, người đối chiếu phải ký xác nhận vào bản sao và chịu trách nhiệm về tính chính xác của bản sao so với bản chính. Trong mỗi bộ hồ sơ phải có danh mục tài liệu.  2. Văn bản đề nghị, thông báo của tổ chức tài chính vi mô phải do người đại diện theo pháp luật hoặc hoặc người được người đại diện theo pháp luật của tổ chức tài chính vi mô ủy quyền ký. Trường hợp ký theo ủy quyền, hồ sơ phải có văn bản ủy quyền được lập phù hợp với quy định của pháp luật.  3. Hồ sơ, thông báo của tổ chức tài chính vi mô được gửi qua dịch vụ bưu chính hoặc nộp trực tiếp tại Bộ phận Một cửa của Ngân hàng Nhà nước, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh. | Kế thừa nội dung quy định tai Thông tư số 19, chỉnh sửa kỹ thuật cho rõ ràng, hợp lý hơn. |
|  | **Điều 10. Quy chế quản lý chi nhánh, phòng giao dịch, điểm giao dịch**  1. Tổ chức tài chính vi mô phải xây dựng Quy chế quản lý chi nhánh, phòng giao dịch, Quy chế quản lý hoạt động tại điểm giao dịch để đảm bảo hoạt động của chi nhánh, phòng giao dịch và hoạt động tại điểm giao dịch an toàn, hiệu quả, phù hợp với quy định của pháp luật.  2. Quy chế quản lý chi nhánh, phòng giao dịch phải do Hội đồng thành viên của tổ chức tài chính vi mô ban hành và phải có tối thiểu các nội dung sau:  a) Hạn mức giao dịch đối với từng cấp quản lý tại chi nhánh, phòng giao dịch theo từng sản phẩm dịch vụ hoặc nhóm sản phẩm dịch vụ cung cấp cho khách hàng;  b) Cơ chế quản lý, giám sát và chế độ thông tin, báo cáo giữa trụ sở chính với chi nhánh và giữa phòng giao dịch với chi nhánh quản lý phòng giao dịch;  c) Tiêu chuẩn, điều kiện đối với chức danh Giám đốc chi nhánh, Trưởng phòng giao dịch hoặc các chức danh tương đương phù hợp với quy định của pháp luật và đảm bảo đủ năng lực chuyên môn, đạo đức nghề nghiệp đáp ứng yêu cầu công việc;  d) Quy định về kho quỹ, phòng cháy, chữa cháy, điều chuyển tiền và lưu trữ chứng từ để đảm bảo an ninh, an toàn tài sản, trong đó quy định cụ thể mức tồn quỹ cuối ngày của chi nhánh, phòng giao dịch căn cứ vào điều kiện thực tiễn hoạt động và điều kiện an ninh, an toàn của chi nhánh, phòng giao dịch đó. Số tiền tồn quỹ cuối ngày vượt mức quy định phải gửi vào tài khoản ngân hàng của tổ chức tài chính vi mô.  3. Quy chế quản lý hoạt động tại điểm giao dịch phải do Tổng giám đốc (Giám đốc) của tổ chức tài chính vi mô ban hành và phải có tối thiểu các nội dung sau:  a) Các tiêu chí lựa chọn điểm giao dịch phù hợp với đặc thù hoạt động, đảm bảo kiểm soát rủi ro, an toàn và hiệu quả trong quá trình hoạt động;  b) Việc mở, chấm dứt hoạt động tại điểm giao dịch bao gồm trình tự, thủ tục và thẩm quyền quyết định mở, chấm dứt hoạt động tại điểm giao dịch, trong đó có phân cấp, ủy quyền quyết định (nếu có);  c) Phạm vi hoạt động tại điểm giao dịch, trong đó quy định cụ thể về hạn mức giao dịch tại từng điểm giao dịch theo từng sản phẩm dịch vụ cung cấp cho khách hàng;  d) Quy trình thực hiện các giao dịch nhận, chi trả tiền gửi tiết kiệm, tiếp nhận hồ sơ, giải ngân, thu nợ vay, quyền và trách nhiệm của nhân viên tổ chức tài chính vi mô tại điểm giao dịch;  đ) Các biện pháp đảm bảo an toàn đối với con người; đảm bảo an ninh, an toàn trong việc điều chuyển tiền, chứng từ và các tài sản khác trong quá trình hoạt động tại điểm giao dịch.  4. Tổ chức tài chính vi mô phải rà soát định kỳ các Quy chế quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều này tối thiểu một năm một lần và sửa đổi, bổ sung (nếu cần thiết) đảm bảo phù hợp với hoạt động trong từng thời kỳ. | Điều 10. Quy chế quản lý chi nhánh, phòng giao dịch, điểm giao dịch 1. Tổ chức tài chính vi mô phải xây dựng Quy chế quản lý chi nhánh, phòng giao dịch, Quy chế quản lý hoạt động tại điểm giao dịch để đảm bảo hoạt động của chi nhánh, phòng giao dịch và hoạt động tại điểm giao dịch an toàn, hiệu quả, phù hợp với quy định của pháp luật.  2. Quy chế quản lý chi nhánh, phòng giao dịch phải do Hội đồng thành viên của tổ chức tài chính vi mô ban hành và phải có tối thiểu các nội dung sau:  a) Hạn mức giao dịch đối với từng cấp quản lý tại chi nhánh, phòng giao dịch theo từng sản phẩm dịch vụ hoặc nhóm sản phẩm dịch vụ cung cấp cho khách hàng;  b) Cơ chế quản lý, giám sát và chế độ thông tin, báo cáo giữa trụ sở chính với chi nhánh và giữa phòng giao dịch với chi nhánh quản lý phòng giao dịch;  c) Tiêu chuẩn, điều kiện đối với chức danh Giám đốc chi nhánh, Trưởng phòng giao dịch hoặc các chức danh tương đương phù hợp với quy định của pháp luật và đảm bảo đủ năng lực chuyên môn, đạo đức nghề nghiệp đáp ứng yêu cầu công việc;  d) Quy định về kho quỹ, phòng cháy, chữa cháy, điều chuyển tiền và lưu trữ chứng từ để đảm bảo an ninh, an toàn tài sản, trong đó quy định cụ thể mức tồn quỹ cuối ngày của chi nhánh, phòng giao dịch căn cứ vào điều kiện thực tiễn hoạt động và điều kiện an ninh, an toàn của chi nhánh, phòng giao dịch đó. Số tiền tồn quỹ cuối ngày vượt mức quy định phải gửi vào tài khoản ngân hàng của tổ chức tài chính vi mô.  3. Quy chế quản lý hoạt động tại điểm giao dịch phải do Tổng giám đốc (Giám đốc) của tổ chức tài chính vi mô ban hành và phải có tối thiểu các nội dung sau:  a) Các tiêu chí lựa chọn điểm giao dịch phù hợp với đặc thù hoạt động, đảm bảo kiểm soát rủi ro, an toàn và hiệu quả trong quá trình hoạt động;  b) Việc mở, chấm dứt hoạt động tại điểm giao dịch bao gồm trình tự, thủ tục và thẩm quyền quyết định mở, chấm dứt hoạt động tại điểm giao dịch, trong đó có phân cấp, ủy quyền quyết định (nếu có);  c) Phạm vi hoạt động tại điểm giao dịch, trong đó quy định cụ thể về hạn mức giao dịch tại từng điểm giao dịch theo từng sản phẩm dịch vụ cung cấp cho khách hàng;  d) Quy trình thực hiện các giao dịch nhận, chi trả tiền gửi ~~tiết kiệm~~, tiếp nhận hồ sơ, giải ngân, thu nợ vay, quyền và trách nhiệm của nhân viên tổ chức tài chính vi mô tại điểm giao dịch;  đ) Các biện pháp đảm bảo an toàn đối với con người; đảm bảo an ninh, an toàn trong việc điều chuyển tiền, chứng từ và các tài sản khác trong quá trình hoạt động tại điểm giao dịch.  4. Tổ chức tài chính vi mô phải rà soát định kỳ các Quy chế quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều này tối thiểu một năm một lần và sửa đổi, bổ sung (nếu cần thiết) đảm bảo phù hợp với hoạt động trong từng thời kỳ. | Kế thừa nội dung quy định tai Thông tư số 19, chỉnh sửa kỹ thuật để bao quát, chính xác hơn. |
|  | **Chương II**  **THÀNH LẬP CHI NHÁNH, PHÒNG GIAO DỊCH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP** | **Chương II**  **THÀNH LẬP CHI NHÁNH, PHÒNG GIAO DỊCH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP** |  |
|  |  | **Mục 1**  **ĐIỀU KIỆN THÀNH LẬP CHI NHÁNH, PHÒNG GIAO DỊCH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP** |  |
|  | **Điều 11. Điều kiện thành lập chi nhánh**  1. Tổ chức tài chính vi mô có thời gian hoạt động từ 12 tháng trở lên (tính từ ngày khai trương hoạt động đến thời điểm đề nghị thành lập) được thành lập không quá 03 chi nhánh trong năm tài chính khi đáp ứng các điều kiện sau: | **Điều 11. Điều kiện thành lập chi nhánh**  1. Tổ chức tài chính vi mô có thời gian hoạt động từ 12 tháng trở lên tính từ ngày khai trương hoạt động đến thời điểm đề nghị thành lập phải đảm bảo các điều kiện sau: | Kế thừa quy định tại Thông tư số 19. Nội dung về số lượng chi nhánh được phép thành lập được đưa lên Điều 8 dự thảo Thông tư cho hợp lý hơn. |
|  | a) Có giá trị thực vốn điều lệ tại thời điểm 31 tháng 12 của năm trước liền kề năm đề nghị thành lập không thấp hơn mức vốn pháp định; | a) Có giá trị thực vốn điều lệ tại thời điểm 31 tháng 12 của năm trước liền kề năm đề nghị thành lập không thấp hơn mức vốn pháp định. Giá trị thực của vốn điều lệ được xác định trên cơ sở báo cáo tài chính đã được kiểm toán của năm trước liền kề năm đề nghị; | Quy định cụ thể về nguồn lấy số liệu được sử dụng để xác định giá trị thực của vốn điều lệ để đảm bảo tính chính xác của số liệu. |
|  | b) Hoạt động kinh doanh có lãi theo báo cáo tài chính đã được kiểm toán độc lập của năm trước liền kề năm đề nghị và theo báo cáo tài chính gần nhất tính đến thời điểm đề nghị; | b) Hoạt động kinh doanh có lãi theo báo cáo tài chính đã được kiểm toán độc lập của năm trước liền kề năm đề nghị và theo báo cáo tài chính gần nhất tính đến thời điểm đề nghị; | Kế thừa quy định tại Thông tư số 19 do vẫn phù hợp và không có vướng mắc khi triển khai thực hiện. |
|  | c) Tại thời điểm đề nghị không bị cơ quan có thẩm quyền áp dụng biện pháp không cho mở rộng địa bàn hoạt động; | c) Không bị cơ quan có thẩm quyền áp dụng biện pháp không cho mở rộng địa bàn hoạt động tại thời điểm đề nghị; | Kế thừa quy định tại Thông tư số 19, chỉnh sửa kỹ thuật cho hợp lý hơn. |
|  | d) Tuân thủ các quy định về tỷ lệ bảo đảm an toàn trong hoạt động của tổ chức tài chính vi mô tại thời điểm báo cáo gần nhất tính đến thời điểm đề nghị; | d) Tuân thủ các quy định về tỷ lệ bảo đảm an toàn trong hoạt động của tổ chức tài chính vi mô tại thời điểm báo cáo gần nhất tính đến thời điểm đề nghị; | Kế thừa quy định tại Thông tư số 19 do vẫn phù hợp và không có vướng mắc khi triển khai thực hiện. |
|  |  | đ) Thực hiện đúng, đầy đủ các quy định về phân loại tài sản có, mức trích, phương pháp trích lập dự phòng rủi ro và việc sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro trong hoạt động theo quy định của pháp luật trong 03 tháng liên tiếp liền kề thời điểm đề nghị; | Bổ sung quy định này để phù hợp với định hướng tại Quyết định 689/QĐ-TTg*“Về quy định cấp phép thành lập mới và phát triển mạng lưới các TCTD: Rà soát, bổ sung các quy định hiện hành về điều kiện cấp phép, tổ chức và hoạt động (đặc biệt là các tiêu chí về tài chính, năng lực quản trị, điều hành và tuân thủ pháp luật).*”. |
|  | đ) Tỷ lệ nợ xấu so với tổng dư nợ tại thời điểm 31 tháng 12 của năm trước liền kề năm đề nghị thành lập và tại thời điểm báo cáo gần nhất tính đến thời điểm đề nghị không vượt quá 3% hoặc một tỷ lệ khác theo quyết định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước trong từng thời kỳ; | e) Tỷ lệ nợ xấu theo quy định của Ngân hàng Nhà nước về việc phân loại tài sản có tại thời điểm 31 tháng 12 của năm trước liền kề năm đề nghị thành lập và tại ngày cuối cùng của tháng liền kề trước thời điểm đề nghị không vượt quá 3% hoặc một tỷ lệ khác theo quyết định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước trong từng thời kỳ; và tỷ lệ nợ nhóm 5 so với tổng dư nợ theo quy định của Ngân hàng Nhà nước về việc phân loại tài sản có tại ngày cuối cùng của tháng liền kề trước thời điểm đề nghị không vượt quá 1% hoặc một tỷ lệ khác theo quyết định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước trong từng thời kỳ; | - Sửa đổi quy định về thời điểm xác định tỷ lệ nợ xấu để đảm bảo phù hợp với quy định về phân loại tài sản có của tổ chức TCVM.  - Quy định tổ chức TCVM phải đáp ứng đồng thời điều kiện về tỷ lệ nợ xấu và nợ nhóm 5 khi đề nghị thành lập chi nhánh để đảm bảo phù hợp với thực tế đối tượng khách hàng của tổ chức tài chính vi mô là người nghèo, người có thu nhập thấp - đối tượng khách hàng có rủi ro lớn hơn so với khách hàng của các loại hình tổ chức tín dụng khác. Do vậy, cần có yêu cầu cao hơn về chất lượng tài sản của tổ chức TCVM khi thành lập chi nhánh, phòng giao dịch để hạn chế rủi ro do mở rộng quy mô hoạt động. |
|  | e) Tuân thủ quy định của pháp luật về số lượng và cơ cấu Hội đồng thành viên, Ban kiểm soát. Chức danh Tổng giám đốc (Giám đốc) của tổ chức tài chính vi mô không bị khuyết quá 06 tháng liền kề trước thời điểm đề nghị; | g) Tuân thủ quy định của pháp luật về số lượng và cơ cấu Hội đồng thành viên, Ban kiểm soát; không bị khuyết Tổng giám đốc (Giám đốc) tại thời điểm đề nghị; | Sửa đổi lại cho chặt chẽ hơn và thống nhất với quy định có liên quan áp dụng đối với các loại hình tổ chức tín dụng khác. |
|  |  | h) Có bộ phận kiểm toán nội bộ và hệ thống kiểm soát nội bộ bảo đảm tuân thủ Điều 57, Điều 58 Luật Các tổ chức tín dụng và các quy định có liên quan của pháp luật tại thời điểm đề nghị;  i) Không bị xử phạt vi phạm hành chính về tổ chức, quản trị, điều hành (trừ vi phạm quy định về quy định nội bộ); cho vay; tỷ lệ bảo đảm an toàn; phân loại tài sản có, trích lập và sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro theo quy định của pháp luật về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ và ngân hàng trong thời hạn 12 tháng trở về trước tính từ thời điểm đề nghị; | Bổ sung quy định này để phù hợp với định hướng tại Quyết định 689/QĐ-TTg*“Về quy định cấp phép thành lập mới và phát triển mạng lưới các TCTD: Rà soát, bổ sung các quy định hiện hành về điều kiện cấp phép, tổ chức và hoạt động (đặc biệt là các tiêu chí về tài chính, năng lực quản trị, điều hành và tuân thủ pháp luật).*”*.* |
|  | g) Có Đề án thành lập đảm bảo các nội dung theo quy định tại khoản 3 Điều 14 Thông tư này; | k) Có Đề án thành lập đảm bảo các nội dung theo quy định tại khoản 3 Điều 14 Thông tư này; | Kế thừa quy định tại Thông tư số 19 do vẫn phù hợp và không phát sinh vướng mắc trong quá trình thực hiện. |
|  | h) Đảm bảo số lượng chi nhánh theo quy định tại Điều 8 Thông tư này. | l) Đảm bảo số lượng chi nhánh theo quy định tại Điều 8 Thông tư này; |
|  |  | m) Tại thời điểm đề nghị, các đơn vị thuộc mạng lưới của tổ chức tài chính vi mô được chấp thuận thành lập trong năm trước liền kề năm đề nghị đã khai trương hoạt động. | Bổ sung cho chặt chẽ hơn và thống nhất với quy định có liên quan áp dụng đối với các loại hình tổ chức tín dụng khác. |
|  | 2. Tổ chức tài chính vi mô có thời gian hoạt động dưới 12 tháng (tính từ ngày khai trương hoạt động đến thời điểm đề nghị thành lập) được thành lập không quá 02 chi nhánh trong năm tài chính khi đáp ứng các điều kiện sau:  a) Có giá trị thực của vốn điều lệ tại thời điểm báo cáo gần nhất tính đến thời điểm đề nghị không thấp hơn mức vốn pháp định; | 2. Tổ chức tài chính vi mô có thời gian hoạt động dưới 12 tháng tính từ ngày khai trương hoạt động đến thời điểm đề nghị thành lập phải đảm bảo các điều kiện sau:  a) Có giá trị thực của vốn điều lệ tại tháng liền kề trước thời điểm đề nghị không thấp hơn mức vốn pháp định; | Sửa đổi quy định về thời điểm xác định giá trị thực của vốn điều lệ để đảm bảo tính chính xác của số liệu. |
|  |  | b) Hoạt động kinh doanh có lãi đến tháng liền kề trước thời điểm đề nghị; | Bổ sung cho chặt chẽ hơn và thống nhất với quy định có liên quan áp dụng đối với các loại hình tổ chức tín dụng khác. |
|  |  | c) Thực hiện đúng, đầy đủ các quy định về phân loại tài sản có, mức trích, phương pháp trích lập dự phòng rủi ro và việc sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro trong hoạt động theo quy định của pháp luật trong 03 tháng liên tiếp liền kề thời điểm đề nghị (trường hợp tổ chức tài chính vi mô có thời gian hoạt động trên 03 tháng) hoặc trong các tháng liền kề thời điểm đề nghị (trường hợp tổ chức tài chính vi mô có thời gian hoạt động dưới 03 tháng); | Bổ sung cho chặt chẽ hơn và thống nhất với quy định có liên quan áp dụng đối với các loại hình tổ chức tín dụng khác. |
|  | b) Tỷ lệ nợ xấu so với tổng dư nợ tại thời điểm báo cáo gần nhất tính đến thời điểm đề nghị không vượt quá 3% hoặc một tỷ lệ khác theo quyết định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước trong từng thời kỳ; | d) Tỷ lệ nợ xấu theo quy định của Ngân hàng Nhà nước về việc phân loại tài sản có tại ngày cuối cùng của tháng liền kề trước thời điểm đề nghị không vượt quá 3% hoặc một tỷ lệ khác theo quyết định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước trong từng thời kỳ; và tỷ lệ nợ nhóm 5 so với tổng dư nợ theo quy định của Ngân hàng Nhà nước về việc phân loại tài sản có tại ngày cuối cùng của tháng liền kề trước thời điểm đề nghị không vượt quá 1% hoặc một tỷ lệ khác theo quyết định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước trong từng thời kỳ; | - Sửa đổi quy định về thời điểm xác định tỷ lệ nợ xấu để đảm bảo phù hợp với quy định về phân loại tài sản có của tổ chức TCVM.  - Quy định tổ chức TCVM phải đáp ứng đồng thời điều kiện về tỷ lệ nợ xấu và nợ nhóm 5 khi đề nghị thành lập chi nhánh để đảm bảo phù hợp với thực tế đối tượng khách hàng của tổ chức tài chính vi mô là người nghèo, người có thu nhập thấp - đối tượng khách hàng có rủi ro lớn hơn so với khách hàng của các loại hình tổ chức tín dụng khác. Do vậy, cần có yêu cầu cao hơn về chất lượng tài sản của tổ chức TCVM khi thành lập chi nhánh, phòng giao dịch để hạn chế rủi ro do mở rộng quy mô hoạt động. |
|  | c) Các quy định tại các điểm c, d, e, g, h khoản 1 Điều này. | d) Các quy định tại các điểm c, d, g, h, i, k, l, m khoản 1 Điều này. | Sửa đổi lại tham chiếu cho phù hợp với nội dung dự thảo Thông tư. |
|  | **Điều 12. Điều kiện thành lập phòng giao dịch**  Tổ chức tài chính vi mô được thành lập phòng giao dịch khi đáp ứng các điều kiện sau: | **Điều 12. Điều kiện thành lập phòng giao dịch** |  |
|  | 1. Các điều kiện quy định tại điểm a, b, c, d, đ, e, g khoản 1 Điều 11 Thông tư này. | 1. Các điều kiện quy định tại điểm a, b, c, d, đ, e, g, h, i, k, m khoản 1 Điều 11 Thông tư này. | Sửa đổi lại tham chiếu cho phù hợp với nội dung dự thảo Thông tư. |
|  |  | 2. Đáp ứng yêu cầu về số lượng phòng giao dịch được thành lập theo quy định tại Điều 8 Thông tư này. | Theo quy định tại Thông tư số 19, phòng giao dịch của tổ chức TCVM không bị khống chế về số lượng được phép thành lập. Tuy nhiên, hiện một số tổ chức TCVM đang sử dụng đòn bẩy tài chính ở mức cao, dẫn đến có thể gia tăng rủi ro khi mở rộng hoạt động, đồng thời, để tránh việc tổ chức TCVM mở rộng mạng lưới tràn lan, vượt quá năng lực quản lý, dự thảo Thông tư đã bổ sung điều kiện này cho chặt chẽ hơn. |
|  | 2. Chi nhánh dự kiến quản lý phòng giao dịch phải đáp ứng các điều kiện sau:  a) Có thời gian hoạt động tối thiểu 12 tháng tính từ ngày khai trương hoạt động đến thời điểm đề nghị; | 3. Chi nhánh dự kiến quản lý phòng giao dịch phải đáp ứng các điều kiện sau:  a) Có thời gian hoạt động tối thiểu 12 tháng tính từ ngày khai trương hoạt động đến thời điểm đề nghị; | Kế thừa quy định tại Thông tư số 19 do vẫn phù hợp và không phát sinh vướng mắc trong quá trình thực hiện. |
|  | b) Tỷ lệ nợ xấu so với tổng dư nợ tại thời điểm 31 tháng 12 của năm trước liền kề năm đề nghị thành lập và tại thời điểm báo cáo gần nhất tính đến thời điểm đề nghị không vượt quá 3% hoặc một tỷ lệ khác theo quyết định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước trong từng thời kỳ; | b) Tỷ lệ nợ xấu theo quy định của Ngân hàng Nhà nước về việc phân loại tài sản có tại thời điểm 31 tháng 12 của năm trước liền kề năm đề nghị thành lập và tại ngày cuối cùng của tháng liền kề trước thời điểm đề nghị không vượt quá 3% hoặc một tỷ lệ khác theo quyết định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước trong từng thời kỳ; và tỷ lệ nợ nhóm 5 so với tổng dư nợ theo quy định của Ngân hàng Nhà nước về việc phân loại tài sản có tại ngày cuối cùng của tháng liền kề trước thời điểm đề nghị không vượt quá 1% hoặc một tỷ lệ khác theo quyết định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước trong từng thời kỳ; | - Sửa đổi quy định về thời điểm xác định tỷ lệ nợ xấu để đảm bảo phù hợp với quy định về phân loại tài sản có của tổ chức TCVM.  - Quy định tổ chức TCVM phải đáp ứng đồng thời điều kiện về tỷ lệ nợ xấu và nợ nhóm 5 khi đề nghị thành lập chi nhánh để đảm bảo phù hợp với thực tế đối tượng khách hàng của tổ chức tài chính vi mô là người nghèo, người có thu nhập thấp - đối tượng khách hàng có rủi ro lớn hơn so với khách hàng của các loại hình tổ chức tín dụng khác. Do vậy, cần có yêu cầu cao hơn về chất lượng tài sản của tổ chức TCVM khi thành lập chi nhánh, phòng giao dịch để hạn chế rủi ro do mở rộng quy mô hoạt động. |
|  |  | c) Không bị xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ và ngân hàng bằng hình thức phạt tiền trong thời hạn 12 tháng trở về trước tính từ thời điểm đề nghị. | Bổ sung cho chặt chẽ hơn và thống nhất với quy định có liên quan áp dụng đối với các loại hình tổ chức tín dụng khác. |
|  | c) Một chi nhánh không được quản lý quá 05 phòng giao dịch. |  | Quy định được đưa lên Điều 8 dự thảo Thông tư cho hợp lý hơn. |
|  | **Điều 13. Điều kiện thành lập văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp**  Tổ chức tài chính vi mô được thành lập văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp khi đáp ứng các điều kiện sau:  1. Có thời gian hoạt động từ 12 tháng trở lên tính từ ngày khai trương hoạt động đến thời điểm đề nghị.  2. Các điều kiện quy định tại điểm a, c, d, e khoản 1 Điều 11 Thông tư này.  3. Có đề án thành lập đảm bảo các nội dung theo quy định tại khoản 4 Điều 14 Thông tư này. | **Điều 13. Điều kiện thành lập văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp**  1. Có thời gian hoạt động từ 12 tháng trở lên tính từ ngày khai trương hoạt động đến thời điểm đề nghị.  2. Các điều kiện quy định tại điểm c, g, h, i khoản 1 Điều 11 Thông tư này.  3. Có Đề án thành lập đảm bảo các nội dung theo quy định tại khoản 4 Điều 14 Thông tư này. | Kế thừa quy định tại Thông tư số 19, chỉnh sửa kỹ thuật cho hợp lý hơn. |
|  |  | **Mục 2**  **HỒ SƠ, TRÌNH TỰ ĐỀ NGHỊ THÀNH LẬP CHI NHÁNH, PHÒNG GIAO DỊCH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP** |  |
|  | **Điều 14. Hồ sơ đề nghị chấp thuận thành lập chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp của tổ chức tài chính vi mô**  1. Văn bản của tổ chức tài chính vi mô đề nghị Ngân hàng Nhà nước chấp thuận thành lập chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp theo mẫu Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này. | **Điều 14. Hồ sơ đề nghị chấp thuận thành lập chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp của tổ chức tài chính vi mô**  1. Văn bản của tổ chức tài chính vi mô đề nghị Ngân hàng Nhà nước chấp thuận thành lập chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp theo mẫu quy định tại Phụ lục số 01 ban hành kèm theo Thông tư này. | Chỉnh sửa kỹ thuật cho phù hợp với quy định tại dự thảo Thông tư. |
|  | 2. Nghị quyết hoặc Quyết định của Hội đồng thành viên về việc thành lập chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp. | 2. Nghị quyết hoặc Quyết định của Hội đồng thành viên về việc thành lập chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp. | Kế thừa quy định tại Thông tư số 19 do vẫn phù hợp và không phát sinh vướng mắc trong quá trình thực hiện. |
|  | 3. Đề án thành lập chi nhánh, phòng giao dịch, trong đó phải có tối thiểu các nội dung sau:  a) Tên đầy đủ bằng tiếng Việt, tên viết tắt bằng tiếng Việt; địa chỉ trụ sở, nội dung hoạt động của chi nhánh, phòng giao dịch của tổ chức tài chính vi mô;  b) Cơ cấu tổ chức của chi nhánh, phòng giao dịch; dự kiến nhân sự chủ chốt (Giám đốc chi nhánh, Trưởng phòng giao dịch, cán bộ kế toán và các chức danh chủ chốt khác theo quy định nội bộ của tổ chức tài chính vi mô);  c) Tên, địa chỉ trụ sở của chi nhánh dự kiến quản lý phòng giao dịch (đối với trường hợp thành lập phòng giao dịch);  d) Phân tích môi trường kinh doanh (cơ hội, thách thức, điểm mạnh, điểm yếu); đối tượng khách hàng và sản phẩm dự kiến cung cấp;  đ) Phương án kinh doanh dự kiến trong 03 năm đầu hoạt động, trong đó tối thiểu bao gồm: dự kiến bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả kinh doanh, căn cứ xây dựng phương án và thuyết minh khả năng thực hiện phương án trong từng năm. | 3. Đề án thành lập chi nhánh, phòng giao dịch, trong đó phải có tối thiểu các nội dung sau:  a) Tên đầy đủ bằng tiếng Việt, tên viết tắt bằng tiếng Việt; địa chỉ trụ sở, nội dung hoạt động của chi nhánh, phòng giao dịch của tổ chức tài chính vi mô;  b) Cơ cấu tổ chức của chi nhánh, phòng giao dịch; dự kiến nhân sự chủ chốt (Giám đốc chi nhánh, Trưởng phòng giao dịch, cán bộ kế toán và các chức danh chủ chốt khác theo quy định nội bộ của tổ chức tài chính vi mô);  c) Tên, địa chỉ trụ sở của chi nhánh dự kiến quản lý phòng giao dịch (đối với trường hợp thành lập phòng giao dịch);  d) Văn bản thỏa thuận (hoặc Văn bản ghi nhớ) giữa tổ chức tài chính vi mô và tổ chức chính trị - xã hội hoặc chính quyền địa phương về việc phối hợp cho vay thông qua tổ vay vốn;  đ) Phương án kinh doanh dự kiến trong 03 năm đầu hoạt động, trong đó tối thiểu bao gồm:  (i) Phân tích môi trường kinh doanh (cơ hội, thách thức);  (ii) Đối tượng khách hàng và sản phẩm dự kiến cung cấp;  (iii) Dự kiến bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả kinh doanh, căn cứ xây dựng phương án và thuyết minh khả năng thực hiện phương án trong từng năm. | Kế thừa quy định tại Thông tư số 19, tuy nhiên có sửa đổi, bổ sung một số nội dung sau:  - Chỉnh sửa kỹ thuật nội dung liên quan đến phân tích môi trường kinh doanh cho hợp lý hơn.  - Bổ sung nội dung về văn bản chứng minh sự phối hợp giữa tổ chức TCVM và tổ chức chính trị-xã hội hoặc chính quyền địa phương để phù hợp với quy định về việc cho vay của tổ chức TCVM tại Thông tư số 33/2024/TT-NHNN. |
|  | 4. Đề án thành lập văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp trong đó phải có tối thiểu các nội dung sau:  a) Tên đầy đủ bằng tiếng Việt, tên viết tắt bằng tiếng Việt; địa chỉ, nội dung hoạt động của văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp của tổ chức tài chính vi mô;  b) Lý do thành lập;  c) Dự kiến nhân sự chủ chốt (Người đứng đầu văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp, cán bộ kế toán và các nhân sự chủ chốt khác theo quy định nội bộ của tổ chức tài chính vi mô);  d) Kế hoạch hoạt động dự kiến trong năm đầu hoạt động. | 4. Đề án thành lập văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp trong đó phải có tối thiểu các nội dung sau:  a) Tên đầy đủ bằng tiếng Việt, tên viết tắt bằng tiếng Việt; địa chỉ, nội dung hoạt động của văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp của tổ chức tài chính vi mô;  b) Lý do thành lập;  c) Dự kiến nhân sự chủ chốt (Người đứng đầu văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp, cán bộ kế toán và các nhân sự chủ chốt khác theo quy định nội bộ của tổ chức tài chính vi mô);  d) Kế hoạch hoạt động dự kiến trong năm đầu hoạt động. | Kế thừa quy định tại Thông tư số 19 do vẫn phù hợp và không phát sinh vướng mắc trong quá trình thực hiện. |
|  | 5. Các tài liệu chứng minh việc đáp ứng các điều kiện thành lập chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp quy định tại Điều 11, Điều 12 và Điều 13, trừ tài liệu chứng minh việc đáp ứng điều kiện quy định tại điểm c khoản 1 Điều 11 Thông tư này. | 5. Các tài liệu khác chứng minh việc đáp ứng các điều kiện thành lập chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp theo quy định tại Thông tư này. | Kế thừa quy định tại Thông tư số 19, chỉnh sửa kỹ thuật nội dung cho hợp lý hơn. |
|  | **Điều 15. Trình tự chấp thuận thành lập chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp của tổ chức tài chính vi mô**  1. Tổ chức tài chính vi mô lập 01 bộ hồ sơ tương ứng với từng loại hình mạng lưới theo quy định tại Điều 14 Thông tư này gửi Ngân hàng Nhà nước.  2. Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ quy định tại khoản 1 Điều này, Ngân hàng Nhà nước có văn bản gửi tổ chức tài chính vi mô xác nhận đủ hồ sơ hợp lệ; trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ và hợp lệ, Ngân hàng Nhà nước có văn bản yêu cầu tổ chức tài chính vi mô bổ sung, hoàn thiện hồ sơ.  Tổ chức tài chính vi mô bổ sung, hoàn thiện hồ sơ trong thời hạn tối đa 60 ngày kể từ ngày Ngân hàng Nhà nước có văn bản yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ. Quá thời hạn này mà không bổ sung, hoàn thiện hồ sơ đầy đủ và hợp lệ, tổ chức tài chính vi mô phải gửi lại hồ sơ theo quy định tại khoản 1 Điều này để Ngân hàng Nhà nước xem xét, chấp thuận.  3. Đối với đề nghị thành lập chi nhánh, trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ:  a) Ngân hàng Nhà nước có văn bản gửi lấy ý kiến Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nơi tổ chức tài chính vi mô dự kiến đặt trụ sở chi nhánh về đề nghị thành lập chi nhánh của tổ chức tài chính vi mô;  b) Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng có văn bản gửi lấy ý kiến Ngân hàng Nhà nước chi nhánh nơi tổ chức tài chính vi mô dự kiến đặt trụ sở chi nhánh về đề nghị thành lập chi nhánh của tổ chức tài chính vi mô.  4. Đối với đề nghị thành lập phòng giao dịch, trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng có văn bản lấy ý kiến Ngân hàng Nhà nước chi nhánh nơi tổ chức tài chính vi mô dự kiến đặt trụ sở phòng giao dịch về việc đáp ứng các điều kiện theo quy định của Thông tư này đối với chi nhánh dự kiến quản lý phòng giao dịch trên địa bàn.  5. Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản của Ngân hàng Nhà nước, các đơn vị quy định tại khoản 3 và khoản 4 Điều này có ý kiến tham gia bằng văn bản về các nội dung được đề nghị.  6. Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ các ý kiến tham gia của các đơn vị tại khoản 5 Điều này hoặc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ đề nghị thành lập văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp, Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng trình Thống đốc Ngân hàng Nhà nước xem xét, chấp thuận việc tổ chức tài chính vi mô thành lập chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp.  6. Trong thời hạn 60 ngày (đối với đề nghị thành lập chi nhánh, phòng giao dịch) hoặc 45 ngày (đối với đề nghị thành lập văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp) kể từ ngày xác nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Ngân hàng Nhà nước có văn bản chấp thuận đề nghị của tổ chức tài chính vi mô; trường hợp từ chối, Ngân hàng Nhà nước phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.  7. Trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày Ngân hàng Nhà nước có văn bản chấp thuận thành lập quy định tại khoản 7 Điều này, tổ chức tài chính vi mô phải khai trương hoạt động chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp; quá thời hạn này mà không khai trương hoạt động thì văn bản chấp thuận của Ngân hàng Nhà nước đương nhiên hết hiệu lực. | **Điều 15. Trình tự chấp thuận thành lập chi nhánh của tổ chức tài chính vi mô**  1. Tổ chức tài chính vi mô lập 01 bộ hồ sơ theo quy định tại Điều 14 Thông tư này gửi Ngân hàng Nhà nước.  2. Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ quy định tại khoản 1 Điều này, Ngân hàng Nhà nước có văn bản gửi tổ chức tài chính vi mô xác nhận đủ hồ sơ hợp lệ. Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ và hợp lệ, Ngân hàng Nhà nước có văn bản yêu cầu tổ chức tài chính vi mô bổ sung, hoàn thiện hồ sơ.  Tổ chức tài chính vi mô bổ sung, hoàn thiện hồ sơ trong thời hạn tối đa 60 ngày kể từ ngày Ngân hàng Nhà nước có văn bản yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ. Quá thời hạn này mà không bổ sung, hoàn thiện hồ sơ đầy đủ và hợp lệ, tổ chức tài chính vi mô phải gửi lại hồ sơ theo quy định tại khoản 1 Điều này để Ngân hàng Nhà nước xem xét, chấp thuận.  3. Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ:  a) Ngân hàng Nhà nước có văn bản gửi lấy ý kiến Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi tổ chức tài chính vi mô dự kiến đặt trụ sở chi nhánh về sự cần thiết thành lập hoặc thành lập thêm chi nhánh của tổ chức tài chính vi mô trên địa bàn;  b) Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng có văn bản gửi lấy ý kiến Ngân hàng Nhà nước chi nhánh nơi tổ chức tài chính vi mô dự kiến đặt trụ sở chi nhánh về sự cần thiết thành lập hoặc thành lập thêm chi nhánh của tổ chức tài chính vi mô trên địa bàn.  4. Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được văn bản của Ngân hàng Nhà nước, các đơn vị quy định tại khoản 3 Điều này có ý kiến tham gia bằng văn bản về các nội dung được đề nghị.  5. Trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày nhận đủ các ý kiến tham gia của các đơn vị tại khoản 4 Điều này, Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng trình Thống đốc Ngân hàng Nhà nước xem xét, chấp thuận việc tổ chức tài chính vi mô thành lập chi nhánh.  6. Trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày xác nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Ngân hàng Nhà nước có văn bản chấp thuận đề nghị thành lập chi nhánh của tổ chức tài chính vi mô. Trường hợp không chấp thuận, Ngân hàng Nhà nước phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.  7. Trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày Ngân hàng Nhà nước có văn bản chấp thuận thành lập quy định tại khoản 6 Điều này, tổ chức tài chính vi mô phải khai trương hoạt động chi nhánh. Quá thời hạn này mà không khai trương hoạt động, văn bản chấp thuận đương nhiên hết hiệu lực.  **Điều 16. Trình tự chấp thuận thành lập phòng giao dịch, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp của tổ chức tài chính vi mô**  1. Tổ chức tài chính vi mô lập 01 bộ hồ sơ tương ứng với từng loại hình mạng lưới theo quy định tại Điều 14 Thông tư này gửi Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng.  2. Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ quy định tại khoản 1 Điều này, Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng có văn bản gửi tổ chức tài chính vi mô xác nhận đủ hồ sơ hợp lệ; trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ và hợp lệ, Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng có văn bản yêu cầu tổ chức tài chính vi mô bổ sung, hoàn thiện hồ sơ.  Tổ chức tài chính vi mô bổ sung, hoàn thiện hồ sơ trong thời hạn tối đa 60 ngày kể từ ngày Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng có văn bản yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ. Quá thời hạn này mà không bổ sung, hoàn thiện hồ sơ đầy đủ và hợp lệ, tổ chức tài chính vi mô phải gửi lại hồ sơ theo quy định tại khoản 1 Điều này để Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng xem xét, chấp thuận.  3. Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng có văn bản lấy ý kiến Ngân hàng Nhà nước chi nhánh nơi tổ chức tài chính vi mô dự kiến đặt trụ sở phòng giao dịch về:  a) Sự cần thiết thành lập hoặc thành lập thêm phòng giao dịch;  b) Các địa bàn dự kiến mở chi nhánh, phòng giao dịch;  c) Việc đáp ứng các điều kiện theo quy định của Thông tư này đối với chi nhánh dự kiến quản lý phòng giao dịch trên địa bàn.  Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được văn bản của Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh có ý kiến tham gia bằng văn bản về các nội dung được đề nghị.  4. Trong thời hạn 60 ngày (đối với trường hợp thành lập phòng giao dịch) hoặc 45 ngày (đối với trường hợp thành lập văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp) kể từ ngày xác nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng có văn bản chấp thuận đề nghị thành lập phòng giao dịch, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp của tổ chức tài chính vi mô. Trường hợp không chấp thuận, Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.  5. Trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng có văn bản chấp thuận thành lập quy định tại khoản 4 Điều này, tổ chức tài chính vi mô phải khai trương hoạt động phòng giao dịch, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp. Quá thời hạn này mà không khai trương hoạt động, văn bản chấp thuận đương nhiên hết hiệu lực. | Sửa đổi theo hướng tách trình tự chấp thuận thành 02 Điều tương ứng với thẩm quyền chấp thuận của Thống đốc, Chánh Thanh tra, giám sát ngân hàng để các tổ chức dễ tham chiếu thực hiện. |
|  | **Điều 16. Chuyển đổi đơn vị trực thuộc chương trình, dự án tài chính vi mô**  1. Việc chuyển đổi chương trình, dự án tài chính vi mô thành tổ chức tài chính vi mô bao gồm cả việc chuyển đổi các đơn vị trực thuộc chương trình, dự án tài chính vi mô thành chi nhánh, phòng giao dịch, đơn vị sự nghiệp, văn phòng đại diện của tổ chức tài chính vi mô và không áp dụng các điều kiện quy định tại Điều 11, Điều 12 và Điều 13 Thông tư này.  2. Chương trình, dự án tài chính vi mô khi thực hiện chuyển đổi thành tổ chức tài chính vi mô phải có văn bản đề nghị chấp thuận việc chuyển đổi các đơn vị trực thuộc chương trình, dự án tài chính vi mô thành chi nhánh, phòng giao dịch, đơn vị sự nghiệp, văn phòng đại diện của tổ chức tài chính vi mô. Văn bản đề nghị phải có tối thiểu các nội dung sau:  a) Tên đầy đủ bằng tiếng Việt, tên viết tắt bằng tiếng Việt của chi nhánh, phòng giao dịch, đơn vị sự nghiệp, văn phòng đại diện;  b) Địa chỉ trụ sở của chi nhánh, phòng giao dịch, đơn vị sự nghiệp, văn phòng đại diện. |  | Không quy định do không còn thuộc phạm vi điều chỉnh của dự thảo Thông tư. |
|  |  | **Mục 3**  **KHAI TRƯƠNG HOẠT ĐỘNG, CÔNG BỐ THÔNG TIN VỀ VIỆC THÀNH LẬP** |  |
|  | **Điều 17. Khai trương hoạt động**  1. Tổ chức tài chính vi mô khai trương hoạt động chi nhánh, phòng giao dịch (bao gồm cả chi nhánh, phòng giao dịch của tổ chức tài chính vi mô được cấp Giấy phép trên cơ sở chuyển đổi đơn vị trực thuộc của chương trình, dự án tài chính vi mô) khi đáp ứng các yêu cầu sau: | **Điều 17. Khai trương hoạt động**  1. Tổ chức tài chính vi mô khai trương hoạt động chi nhánh, phòng giao dịch khi đáp ứng các yêu cầu sau: | Chỉnh sửa kỹ thuật về nội dung cho phù hợp với phạm vi điều chỉnh của dự thảo Thông tư. |
|  | a) Đã đăng ký hoạt động chi nhánh, phòng giao dịch theo quy định của pháp luật và công bố thông tin theo quy định tại Điều 18 Thông tư này; | a) Đã công bố thông tin theo quy định tại Điều 18 Thông tư này; | Không quy định về yêu cầu đăng ký hoạt động chi nhánh, phòng giao dịch do theo quy định tại Luật Các TCTD không còn thủ tục này. |
|  | b) Có quyền sở hữu hoặc sử dụng hợp pháp trụ sở chi nhánh, phòng giao dịch; trụ sở có đủ điều kiện bảo đảm an toàn tài sản và phù hợp với yêu cầu hoạt động của chi nhánh, phòng giao dịch; | b) Có quyền sở hữu hoặc sử dụng hợp pháp trụ sở chi nhánh, phòng giao dịch. Trụ sở chi nhánh, phòng giao dịch có đủ điều kiện bảo đảm an toàn tài sản và phù hợp với yêu cầu hoạt động của chi nhánh, phòng giao dịch; | Chỉnh sửa kỹ thuật về nội dung cho rõ ràng hơn. |
|  | c) Có kho tiền hoặc két quỹ đảm bảo an toàn theo quy định nội bộ của tổ chức tài chính vi mô; | c) Có kho tiền đảm bảo tiêu chuẩn kỹ thuật theo quy định của Ngân hàng Nhà nước; | Chỉnh sửa cho phù hợp với quy định của Ngân hàng Nhà nước về tiêu chuẩn kỹ thuật của kho tiền. |
|  | d) Có hệ thống công nghệ thông tin kết nối giữa trụ sở chính với chi nhánh, phòng giao dịch, giữa chi nhánh quản lý với phòng giao dịch đảm bảo an toàn, bảo mật và yêu cầu báo cáo, thống kê; | d) Có hệ thống công nghệ thông tin kết nối giữa trụ sở chính với chi nhánh, phòng giao dịch, giữa chi nhánh quản lý với phòng giao dịch đảm bảo an toàn, bảo mật và yêu cầu báo cáo, thống kê; | Kế thừa quy định tại Thông tư số 19 do vẫn phù hợp và không phát sinh vướng mắc trong quá trình thực hiện. |
|  | đ) Có đủ nhân sự chủ chốt tối thiểu, gồm: Giám đốc chi nhánh, Trưởng phòng giao dịch, cán bộ kế toán và đội ngũ cán bộ nghiệp vụ theo quy định nội bộ của tổ chức tài chính vi mô; | đ) Có đủ nhân sự chủ chốt tối thiểu, gồm: Giám đốc chi nhánh, Trưởng phòng giao dịch, cán bộ kế toán và đội ngũ cán bộ nghiệp vụ theo quy định nội bộ của tổ chức tài chính vi mô. Giám đốc chi nhánh, Giám đốc phòng giao dịch này không được kiêm nhiệm Giám đốc chi nhánh, Giám đốc phòng giao dịch khác và Giám đốc chi nhánh không được kiêm nhiệm Giám đốc phòng giao dịch; | Bổ sung quy định cho chặt chẽ hơn và thống nhất với quy định có liên quan áp dụng đối với các loại hình tổ chức tín dụng khác. |
|  | e) Giám đốc chi nhánh đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của Ngân hàng Nhà nước và quy định nội bộ của tổ chức tài chính vi mô. Trưởng phòng giao dịch đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định nội bộ của tổ chức tài chính vi mô; | e) Giám đốc chi nhánh đáp ứng tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước và quy định nội bộ của tổ chức tài chính vi mô. Trưởng phòng giao dịch đáp ứng tiêu chuẩn, điều kiện đối với Giám đốc chi nhánh theo quy định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước và quy định nội bộ của tổ chức tài chính vi mô; | Sửa đổi quy định cho rõ ràng, chặt chẽ hơn. |
|  | g) Có Quy chế quản lý chi nhánh, phòng giao dịch đáp ứng các yêu cầu theo quy định tại khoản 2 Điều 10 Thông tư này. | g) Có Quy chế quản lý chi nhánh, phòng giao dịch đáp ứng các yêu cầu theo quy định tại khoản 2 Điều 10 Thông tư này. | Kế thừa quy định tại Thông tư số 19 do vẫn phù hợp và không phát sinh vướng mắc trong quá trình thực hiện. |
|  | 2. Tổ chức tài chính vi mô khai trương hoạt động văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp (bao gồm cả văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp của tổ chức tài chính vi mô được cấp Giấy phép trên cơ sở chuyển đổi đơn vị trực thuộc chương trình, dự án tài chính vi mô) khi đáp ứng các yêu cầu sau:  a) Đã đăng ký hoạt động theo quy định của pháp luật (đối với trường hợp khai trương hoạt động văn phòng đại diện);  b) Có quyền sở hữu hoặc sử dụng hợp pháp trụ sở văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp;  c) Có nhân sự chủ chốt theo quy định nội bộ của tổ chức tài chính vi mô. | 2. Tổ chức tài chính vi mô khai trương hoạt động văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp khi đáp ứng các yêu cầu sau:  a) Có quyền sở hữu hoặc sử dụng hợp pháp trụ sở văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp;  b) Có nhân sự chủ chốt theo quy định nội bộ của tổ chức tài chính vi mô. | Chỉnh sửa kỹ thuật về nội dung cho phù hợp với phạm vi điều chỉnh của dự thảo Thông tư và quy định có liên quan về đăng ký hoạt động tại Luật Các TCTD. |
|  | 3. Tổ chức tài chính vi mô phải gửi Quy chế quản lý chi nhánh, phòng giao dịch; văn bản thông báo về ngày dự kiến khai trương hoạt động và việc đáp ứng các yêu cầu khai trương hoạt động quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này tới Ngân hàng Nhà nước chi nhánh chậm nhất 15 ngày trước ngày dự kiến khai trương hoạt động. | 3. Tổ chức tài chính vi mô phải gửi Ngân hàng Nhà nước chi nhánh nơi đặt trụ sở chi nhánh, phòng giao dịch chậm nhất 07 ngày làm việc trước ngày dự kiến khai trương hoạt động chi nhánh, phòng giao dịch các văn bản sau:  a) Quy chế quản lý chi nhánh, phòng giao dịch theo quy định tại Điều 10 Thông tư này;  b) Văn bản thông báo về các nội dung sau:  (i) Ngày dự kiến khai trương hoạt động;  (ii) Việc đáp ứng các yêu cầu khai trương hoạt động chi nhánh, phòng giao dịch quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này;  (iii) Thông tin về người đứng đầu, thông tin về tên, thông tin về địa chỉ của chi nhánh, phòng giao dịch. | Chỉnh sửa kỹ thuật về nội dung cho rõ ràng hơn. |
|  | 4. Chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp của tổ chức tài chính vi mô được cấp Giấy phép trên cơ sở chuyển đổi đơn vị trực thuộc của chương trình, dự án tài chính vi mô khai trương hoạt động cùng thời điểm khai trương hoạt động của tổ chức tài chính vi mô.  5. Các đơn vị trực thuộc chương trình, dự án tài chính vi mô chuyển đổi thành chi nhánh, phòng giao dịch, đơn vị sự nghiệp, văn phòng đại diện của tổ chức tài chính vi mô phải khai trương hoạt động trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày Ngân hàng Nhà nước có văn bản chấp thuận về mạng lưới hoạt động; quá thời hạn này mà không khai trương hoạt động thì tổ chức tài chính vi mô phải xây dựng Phương án xử lý để đảm bảo chấm dứt hoạt động của các đơn vị không khai trương hoạt động trong thời hạn 24 tháng kể từ ngày hết hạn khai trương hoạt động gửi Ngân hàng Nhà nước chi nhánh. |  | Không quy định do không còn thuộc phạm vi điều chỉnh của dự thảo Thông tư. |
|  | **Điều 18. Công bố thông tin về việc thành lập chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp**  Trong thời hạn 07 ngày làm việc trước ngày dự kiến khai trương hoạt động chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp (bao gồm cả trường hợp chuyển đổi các đơn vị trực thuộc chương trình, dự án tài chính vi mô thành chi nhánh, phòng giao dịch, đơn vị sự nghiệp, văn phòng đại diện của tổ chức tài chính vi mô), tổ chức tài chính vi mô phải thực hiện công bố thông tin về việc thành lập chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp trên cổng thông tin điện tử của Ngân hàng Nhà nước và tổ chức tài chính vi mô (nếu có), một tờ báo viết hàng ngày trong 03 số liên tiếp hoặc báo điện tử của Việt Nam. | **Điều 18. Công bố thông tin về việc thành lập chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp**  1. Trong thời hạn 07 ngày làm việc trước ngày dự kiến khai trương hoạt động chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp, tổ chức tài chính vi mô phải thực hiện công bố các thông tin sau:  a) Số, ngày, nội dung chấp thuận tại văn bản chấp thuận của Ngân hàng Nhà nước về thành lập chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp;  b) Tên, địa điểm, ngày dự kiến khai trương hoạt động và thông tin khác (nếu cần thiết).  2. Tổ chức tài chính vi mô phải công bố các thông tin quy định tại các khoản 1 Điều này trên:  a) Trang thông tin điện tử của tổ chức tài chính vi mô (nếu có), trụ sở chi nhánh, phòng giao dịch có liên quan của tổ chức tài chính vi mô;  b) Cổng thông tin điện tử của Ngân hàng Nhà nước. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của tổ chức tài chính vi mô, Ngân hàng Nhà nước (Vụ Truyền Thông) thực hiện công bố thông tin trên Cổng thông tin điện tử của Ngân hàng Nhà nước;  c) Trên 01 tờ báo in hằng ngày trong 03 số liên tiếp hoặc trên 01 báo điện tử của Việt Nam. | Chỉnh sửa kỹ thuật về nội dung cho rõ ràng hơn và phù hợp với phạm vi điều chỉnh của dự thảo Thông tư. |
|  | **Chương III**  **THAY ĐỔI TÊN, ĐỊA ĐIỂM ĐẶT TRỤ SỞ CHI NHÁNH, PHÒNG GIAO DỊCH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP; THAY ĐỔI CHI NHÁNH QUẢN LÝ PHÒNG GIAO DỊCH** | **Chương III**  **THAY ĐỔI TÊN, ĐỊA ĐIỂM ĐẶT TRỤ SỞ CHI NHÁNH, PHÒNG GIAO DỊCH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP; THAY ĐỔI CHI NHÁNH QUẢN LÝ PHÒNG GIAO DỊCH** |  |
|  | **Điều 19. Thay đổi tên chi nhánh, phòng giao dịch**  Tổ chức tài chính vi mô quyết định việc thay đổi tên chi nhánh, phòng giao dịch phù hợp với quy định của pháp luật, quy định tại Thông tư này và có văn bản thông báo Ngân hàng Nhà nước chi nhánh trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày có quyết định thay đổi. | **Điều 19. Thay đổi tên chi nhánh, phòng giao dịch**  1. Tổ chức tài chính vi mô quyết định việc thay đổi tên chi nhánh, phòng giao dịch phù hợp với quy định của pháp luật, quy định tại Thông tư này. 2. Tổ chức tài chính vi mô có văn bản thông báo gửi Ngân hàng Nhà nước chi nhánh nơi đặt trụ sở chi nhánh, phòng giao dịch việc thay đổi thông tin về tên của chi nhánh ở trong nước, phòng giao dịch trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày có quyết định thay đổi. | Chỉnh sửa kỹ thuật nội dung cho rõ ràng hơn. |
|  | **Điều 20. Thay đồi địa điểm đặt trụ sở chi nhánh, phòng giao dịch**  1. Tổ chức tài chính vi mô chỉ được thay đổi địa điểm đặt trụ sở chi nhánh, phòng giao dịch trong phạm vi địa bàn quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 7 Thông tư này và địa điểm dự kiến thay đổi phải đáp ứng các yêu cầu quy định tại điểm b, c và d khoản 1 Điều 17 Thông tư này. | **Điều 20. Thay đổi địa điểm đặt trụ sở chi nhánh, phòng giao dịch**  1. Tổ chức tài chính vi mô chỉ được thay đổi địa điểm đặt trụ sở chi nhánh, phòng giao dịch trong phạm vi tỉnh, thành phố và địa điểm dự kiến thay đổi phải đáp ứng các yêu cầu quy định tại điểm b, điểm c và điểm d khoản 1 Điều 17 Thông tư này. | Kế thừa quy định tại Thông tư số 19 do vẫn phù hợp và không phát sinh vướng mắc trong quá trình thực hiện. |
|  |  | 2. Tổ chức tài chính vi mô không được thay đổi địa điểm đặt trụ sở chi nhánh, phòng giao dịch từ vùng nông thôn đến khu vực không phải vùng nông thôn. Việc xác định địa điểm của chi nhánh, phòng giao dịch thuộc vùng nông thôn căn cứ vào khu vực địa giới hành chính tại thời điểm đề nghị thay đổi địa điểm và tại thời điểm chấp thuận. | Bổ sung quy định để đảm bảo tập trung hoạt động của tổ chức TCVM về vùng nông thôn. |
|  | 2. Hồ sơ đề nghị thay đổi địa điểm đặt trụ sở chi nhánh, phòng giao dịch:  a) Văn bản của tổ chức tài chính vi mô đề nghị chấp thuận thay đổi địa điểm đặt trụ sở chi nhánh, phòng giao dịch, trong đó tối thiểu bao gồm các nội dung: địa điểm hiện tại, địa điểm dự kiến chuyển đến, lý do chuyển địa điểm, kế hoạch chuyển trụ sở để đảm bảo tính liên tục trong hoạt động;  b) Nghị quyết hoặc Quyết định của Hội đồng thành viên về việc thay đổi địa điểm đặt trụ sở chi nhánh, thay đổi địa điểm đặt trụ sở phòng giao dịch. | 3. Hồ sơ đề nghị thay đổi địa điểm đặt trụ sở chi nhánh, phòng giao dịch:  a) Văn bản của tổ chức tài chính vi mô đề nghị chấp thuận thay đổi địa điểm đặt trụ sở chi nhánh, phòng giao dịch, trong đó tối thiểu bao gồm các nội dung: địa điểm hiện tại, địa điểm dự kiến chuyển đến, lý do chuyển địa điểm, kế hoạch chuyển trụ sở để đảm bảo tính liên tục trong hoạt động;  b) Nghị quyết hoặc Quyết định của Hội đồng thành viên về việc thay đổi địa điểm đặt trụ sở chi nhánh, thay đổi địa điểm đặt trụ sở phòng giao dịch. | Kế thừa quy định tại Thông tư số 19 do vẫn phù hợp và không phát sinh vướng mắc trong quá trình thực hiện. |
|  | 3. Trình tự chấp thuận thay đổi địa điểm đặt trụ sở chi nhánh, phòng giao dịch:  a) Tổ chức tài chính vi mô lập 01 bộ hồ sơ theo quy định tại khoản 2 Điều này gửi Ngân hàng Nhà nước chi nhánh. Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ, trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh có văn bản yêu cầu tổ chức tài chính vi mô bổ sung, hoàn thiện hồ sơ;  b) Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định tại khoản 2 Điều này, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh có văn bản chấp thuận việc thay đổi địa điểm đặt trụ sở chi nhánh, phòng giao dịch; trường hợp từ chối, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. | 4. Trình tự chấp thuận thay đổi địa điểm đặt trụ sở chi nhánh, phòng giao dịch:  a) Tổ chức tài chính vi mô lập 01 bộ hồ sơ theo quy định tại khoản 3 Điều này gửi Ngân hàng Nhà nước chi nhánh nơi đặt trụ sở chi nhánh, phòng giao dịch. Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ, trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh có văn bản yêu cầu tổ chức tài chính vi mô bổ sung, hoàn thiện hồ sơ;  b) Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định tại khoản 2 Điều này, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh có văn bản chấp thuận việc thay đổi địa điểm đặt trụ sở chi nhánh, phòng giao dịch. Trường hợp không chấp thuận, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. | Chỉnh sửa kỹ thuật nội dung cho đầy đủ hơn. |
|  | 4. Tổ chức tài chính vi mô có văn bản báo cáo Ngân hàng Nhà nước chi nhánh về ngày dự kiến hoạt động tại địa điểm được chấp thuận và việc đáp ứng yêu cầu quy định tại khoản 1 Điều này chậm nhất 15 ngày làm việc trước ngày dự kiến hoạt động tại địa điểm được chấp thuận. | 5. Tổ chức tài chính vi mô có văn bản báo cáo Ngân hàng Nhà nước chi nhánh về ngày dự kiến hoạt động tại địa điểm được chấp thuận và việc đáp ứng yêu cầu quy định tại khoản 1 Điều này chậm nhất 15 ngày làm việc trước ngày dự kiến hoạt động tại địa điểm được chấp thuận. | Kế thừa quy định tại Thông tư số 19 do vẫn phù hợp và không phát sinh vướng mắc trong quá trình thực hiện. |
|  | 5. Trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày Ngân hàng Nhà nước chi nhánh có văn bản chấp thuận, chi nhánh, phòng giao dịch của tổ chức tài chính vi mô phải hoạt động tại địa điểm đã được chấp thuận; quá thời hạn này mà không hoạt động tại địa điểm mới thì văn bản chấp thuận của Ngân hàng Nhà nước chi nhánh đương nhiên hết hiệu lực. | 6. Trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày Ngân hàng Nhà nước chi nhánh có văn bản chấp thuận, chi nhánh, phòng giao dịch của tổ chức tài chính vi mô phải hoạt động tại địa điểm đã được chấp thuận. Quá thời hạn này mà không hoạt động tại địa điểm mới, văn bản chấp thuận của Ngân hàng Nhà nước chi nhánh đương nhiên hết hiệu lực. |
|  | **Điều 21. Thay đổi tên, địa điểm đặt trụ sở văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp**  1. Tổ chức tài chính vi mô quyết định việc thay đổi tên, địa điểm đặt trụ sở văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp phù hợp với quy định của pháp luật.  2. Tổ chức tài chính vi mô có văn bản thông báo gửi Ngân hàng Nhà nước về việc thay đổi tên, địa điểm đặt trụ sở trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày có quyết định thay đổi tên, địa điểm đặt trụ sở văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp. | **Điều 21. Thay đổi tên, địa điểm đặt trụ sở văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp**  1. Tổ chức tài chính vi mô quyết định việc thay đổi tên, địa điểm đặt trụ sở văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp phù hợp với quy định của pháp luật.  2. Tổ chức tài chính vi mô có văn bản thông báo gửi Ngân hàng Nhà nước (Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng), Ngân hàng Nhà nước chi nhánh nơi đặt văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp về việc thay đổi tên, địa điểm đặt trụ sở trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày có quyết định thay đổi tên, địa điểm đặt trụ sở văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp.  Trường hợp thay đổi địa điểm đặt trụ sở văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp khác địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, tổ chức tài chính vi mô có văn bản thông báo gửi Ngân hàng Nhà nước (Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng), Ngân hàng Nhà nước chi nhánh nơi đặt trụ sở văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp trước đây và nơi đặt trụ sở văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp mới. | Chỉnh sửa kỹ thuật nội dung cho rõ ràng, chặt chẽ hơn. |
|  | **Điều 22. Thay đổi chi nhánh quản lý phòng giao dịch**  1. Tổ chức tài chính vi mô quyết định việc thay đổi chi nhánh quản lý phòng giao dịch. Chi nhánh dự kiến tiếp nhận quản lý phòng giao dịch phải đáp ứng điều kiện quy định tại khoản 2 Điều 12 Thông tư này.  2. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày có quyết định thay đổi chi nhánh quản lý phòng giao dịch, tổ chức tài chính vi mô có văn bản thông báo gửi Ngân hàng Nhà nước chi nhánh, trong đó báo cáo cụ thể việc đáp ứng các điều kiện đối với chi nhánh quản lý phòng giao dịch theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Thông tư này. | **Điều 22. Thay đổi chi nhánh quản lý phòng giao dịch**  1. Tổ chức tài chính vi mô quyết định việc thay đổi chi nhánh quản lý phòng giao dịch. Chi nhánh dự kiến tiếp nhận quản lý phòng giao dịch phải đáp ứng điều kiện quy định tại khoản 5 Điều 12 Thông tư này.  2. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày có quyết định thay đổi chi nhánh quản lý phòng giao dịch, tổ chức tài chính vi mô có văn bản thông báo gửi Ngân hàng Nhà nước chi nhánh nơi đặt trụ sở chi nhánh, phòng giao dịch, trong đó báo cáo cụ thể việc đáp ứng các điều kiện đối với chi nhánh quản lý phòng giao dịch theo quy định tại khoản 5 Điều 12 Thông tư này. | Chỉnh sửa kỹ thuật nội dung cho rõ ràng hơn. |
|  |  | 3. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo của tổ chức tài chính vi mô về việc thay đổi chi nhánh quản lý phòng giao dịch, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh nơi đặt trụ sở chi nhánh nhận quản lý phòng giao dịch kiểm tra, yêu cầu tổ chức tài chính vi mô không thay đổi chi nhánh quản lý phòng giao dịch trong trường hợp chi nhánh nhận quản lý phòng giao dịch không đáp ứng điều kiện quy định tại Thông tư này. | Bổ sung quy định để tăng cường trách nhiệm của NHNN chi nhánh đối với hoạt động này. |
|  | **Điều 23. Công bố thông tin về các nội dung thay đổi**  Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày thay đổi tên chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp (bao gồm cả trường hợp chuyển đổi các đơn vị trực thuộc chương trình, dự án tài chính vi mô thành chi nhánh, phòng giao dịch, đơn vị sự nghiệp, văn phòng đại diện của tổ chức tài chính vi mô) hoặc trong thời hạn 07 ngày làm việc trước ngày dự kiến hoạt động tại địa điểm mới, tổ chức tài chính vi mô thực hiện công bố trên cổng thông tin điện tử của Ngân hàng Nhà nước chi nhánh và tổ chức tài chính vi mô (nếu có), một tờ báo viết hàng ngày trong 03 số liên tiếp hoặc báo điện tử của Việt Nam. | **Điều 23. Công bố thông tin về các nội dung thay đổi**  1. Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản chấp thuận của Ngân hàng Nhà nước chi nhánh theo quy định tại khoản 4 Điều 20 Thông tư này, tổ chức tài chính vi mô phải thực hiện công bố các thông tin sau:  a) Số, ngày, nội dung chấp thuận tại văn bản chấp thuận của Ngân hàng Nhà nước về thay đổi địa điểm đặt trụ sở chi nhánh, phòng giao dịch;  b) Tên, địa điểm, ngày dự kiến khai trương hoạt động và thông tin khác (nếu cần thiết).  2. Tổ chức tài chính vi mô phải công bố các thông tin quy định tại các khoản 1 Điều này trên:  a) Trang thông tin điện tử của tổ chức tài chính vi mô (nếu có), trụ sở chi nhánh, phòng giao dịch có liên quan của tổ chức tài chính vi mô;  b) Cổng thông tin điện tử của Ngân hàng Nhà nước. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của tổ chức tài chính vi mô, Ngân hàng Nhà nước (Vụ Truyền Thông) thực hiện công bố thông tin trên Cổng thông tin điện tử của Ngân hàng Nhà nước;  c) Trên 01 tờ báo in trong 03 số liên tiếp hoặc trên 01 báo điện tử của Việt Nam.  3. Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày thực hiện thay đổi theo quy định tại khoản 4 Điều 7, Điều 19, Điều 21, Điều 22 Thông tư này, tổ chức tài chính vi mô phải công bố quyết định của tổ chức tài chính vi mô về các nội dung này trên trang thông tin điện tử của tổ chức tài chính vi mô (nếu có), trụ sở chi nhánh, phòng giao dịch có liên quan của tổ chức tài chính vi mô. | Chỉnh sửa kỹ thuật nội dung cho rõ ràng, cụ thể hơn, phù hợp với phạm vi điều chỉnh của dự thảo Thông tư |
|  | **Chương IV**  **CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG, GIẢI THỂ CHI NHÁNH, PHÒNG GIAO DỊCH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP** | **Chương IV**  **CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG, GIẢI THỂ CHI NHÁNH, PHÒNG GIAO DỊCH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP** |  |
|  | **Điều 24. Chấm dứt hoạt động, giải thể chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp**  1. Chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp chấm dứt hoạt động, giải thể trong các trường hợp sau:  a) Đương nhiên chấm dứt hoạt động, giải thể;  b) Tự nguyện chấm dứt hoạt động, giải thể;  c) Bắt buộc chấm dứt hoạt động, giải thể.  2. Tổ chức tài chính vi mô chịu trách nhiệm:  a) Giải quyết tài sản, quyền, nghĩa vụ và các lợi ích liên quan của chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp chấm dứt hoạt động, giải thể theo quy định của pháp luật;  b) Lưu trữ chứng từ, tài liệu, hồ sơ của chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp chấm dứt hoạt động, giải thể và các văn bản liên quan đến việc chấm dứt hoạt động, giải thể;  c) Thực hiện các thủ tục pháp lý chấm dứt hoạt động, giải thể chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp theo quy định của pháp luật. | **Điều 24. Chấm dứt hoạt động, giải thể chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp**  1. Chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp chấm dứt hoạt động, giải thể trong các trường hợp sau:  a) Đương nhiên chấm dứt hoạt động, giải thể;  b) Tự nguyện chấm dứt hoạt động, giải thể;  c) Bắt buộc chấm dứt hoạt động, giải thể.  2. Tổ chức tài chính vi mô chịu trách nhiệm:  a) Giải quyết tài sản, quyền, nghĩa vụ và các lợi ích liên quan của chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp chấm dứt hoạt động, giải thể theo quy định của pháp luật;  b) Lưu trữ chứng từ, tài liệu, hồ sơ của chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp chấm dứt hoạt động, giải thể và các văn bản liên quan đến việc chấm dứt hoạt động, giải thể;  c) Thực hiện các thủ tục pháp lý chấm dứt hoạt động, giải thể chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp theo quy định của pháp luật. | Kế thừa quy định tại Thông tư số 19 do vẫn phù hợp và không phát sinh vướng mắc trong quá trình thực hiện. |
|  | **Điều 25. Đương nhiên chấm dứt hoạt động, giải thể chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp**  1. Chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp đương nhiên chấm dứt hoạt động, giải thể trong trường hợp tổ chức tài chính vi mô chấm dứt hoạt động, giải thể.  2. Thủ tục đương nhiên chấm dứt hoạt động, giải thể chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp thực hiện theo quy định của pháp luật. | **Điều 25. Đương nhiên chấm dứt hoạt động, giải thể chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp**  1. Chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp đương nhiên chấm dứt hoạt động, giải thể trong trường hợp tổ chức tài chính vi mô chấm dứt hoạt động, giải thể.  2. Thủ tục đương nhiên chấm dứt hoạt động, giải thể chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp thực hiện theo quy định của pháp luật. | Kế thừa quy định tại Thông tư số 19 do vẫn phù hợp và không phát sinh vướng mắc trong quá trình thực hiện. |
|  | **Điều 26. Tự nguyện chấm dứt hoạt động, giải thể chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp**  1. Hồ sơ tự nguyện chấm dứt hoạt động, giải thể chi nhánh, phòng giao dịch:  a) Văn bản của tổ chức tài chính vi mô đề nghị chấm dứt hoạt động, giải thể chi nhánh, phòng giao dịch, trong đó nêu rõ: lý do chấm dứt hoạt động, giải thể; tên, địa chỉ của chi nhánh, phòng giao dịch chấm dứt hoạt động, giải thể và cam kết giải quyết các tài sản, quyền, nghĩa vụ và các lợi ích liên quan của chi nhánh, phòng giao dịch chấm dứt hoạt động, giải thể;  b) Nghị quyết hoặc Quyết định của Hội đồng thành viên tổ chức tài chính vi mô về việc chấm dứt hoạt động, giải thể chi nhánh, phòng giao dịch;  c) Phương án giải quyết các tài sản, quyền, nghĩa vụ và các lợi ích liên quan của chi nhánh, phòng giao dịch chấm dứt hoạt động, giải thể. | **Điều 26. Tự nguyện chấm dứt hoạt động, giải thể chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp**  1. Hồ sơ tự nguyện chấm dứt hoạt động, giải thể chi nhánh, phòng giao dịch:  a) Văn bản của tổ chức tài chính vi mô đề nghị chấm dứt hoạt động, giải thể chi nhánh, phòng giao dịch, trong đó nêu rõ: lý do chấm dứt hoạt động, giải thể; tên, địa chỉ của chi nhánh, phòng giao dịch chấm dứt hoạt động, giải thể và cam kết giải quyết các tài sản, quyền, nghĩa vụ và các lợi ích liên quan của chi nhánh, phòng giao dịch chấm dứt hoạt động, giải thể;  b) Nghị quyết hoặc Quyết định của Hội đồng thành viên tổ chức tài chính vi mô về việc chấm dứt hoạt động, giải thể chi nhánh, phòng giao dịch;  c) Phương án giải quyết các tài sản, quyền, nghĩa vụ và các lợi ích liên quan của chi nhánh, phòng giao dịch chấm dứt hoạt động, giải thể. | Kế thừa quy định tại Thông tư số 19 do vẫn phù hợp và không phát sinh vướng mắc trong quá trình thực hiện. |
|  | 2. Trình tự chấp thuận việc tự nguyện chấm dứt hoạt động, giải thể chi nhánh, phòng giao dịch:  a) Tổ chức tài chính vi mô lập 01 bộ hồ sơ theo quy định tại khoản 1 Điều này gửi Ngân hàng Nhà nước chi nhánh;  b) Trong thời hạn 45 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định tại khoản 1 Điều này, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh có văn bản chấp thuận đề nghị của tổ chức tài chính vi mô; trường hợp từ chối, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.  3. Trong thời hạn 45 ngày kể từ ngày có văn bản chấp thuận của Ngân hàng Nhà nước chi nhánh về việc chấm dứt hoạt động, giải thể chi nhánh, phòng giao dịch, tổ chức tài chính vi mô phải tiến hành các thủ tục pháp lý theo quy định của pháp luật để chấm dứt hoạt động, giải thể chi nhánh, phòng giao dịch và có văn bản thông báo tới Ngân hàng Nhà nước chi nhánh về kết quả thực hiện và ngày chấm dứt hoạt động, giải thể.  4. Tổ chức tài chính vi mô quyết định việc tự nguyện chấm dứt hoạt động, giải thể văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày quyết định tự nguyện chấm dứt hoạt động, giải thể văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp, tổ chức tài chính vi mô có văn bản báo cáo Ngân hàng Nhà nước trong đó nêu rõ lý do,  ngày chấm dứt hoạt động, giải thể. | 2. Trình tự chấp thuận việc tự nguyện chấm dứt hoạt động, giải thể chi nhánh, phòng giao dịch:  a) Tổ chức tài chính vi mô lập 01 bộ hồ sơ theo quy định tại khoản 1 Điều này gửi Ngân hàng Nhà nước chi nhánh nơi đặt trụ sở chi nhánh, phòng giao dịch;  b) Trong thời hạn 45 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định tại khoản 1 Điều này, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh có văn bản chấp thuận đề nghị của tổ chức tài chính vi mô. Trường hợp không chấp thuận, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.  3. Trong thời hạn 45 ngày kể từ ngày có văn bản chấp thuận của Ngân hàng Nhà nước chi nhánh về việc chấm dứt hoạt động, giải thể chi nhánh, phòng giao dịch, tổ chức tài chính vi mô phải tiến hành các thủ tục pháp lý theo quy định của pháp luật để chấm dứt hoạt động, giải thể chi nhánh, phòng giao dịch và có văn bản báo cáo Ngân hàng Nhà nước (Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng), Ngân hàng Nhà nước chi nhánh về kết quả thực hiện và ngày chấm dứt hoạt động, giải thể.  4. Tổ chức tài chính vi mô quyết định việc tự nguyện chấm dứt hoạt động, giải thể văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày quyết định tự nguyện chấm dứt hoạt động, giải thể văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp, tổ chức tài chính vi mô có văn bản báo cáo Ngân hàng Nhà nước (Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng), Ngân hàng Nhà nước chi nhánh trong đó nêu rõ lý do, ngày chấm dứt hoạt động, giải thể. | Chỉnh sửa kỹ thuật nội dung cho rõ ràng hơn. |
|  | **Điều 27. Bắt buộc chấm dứt hoạt động, giải thể chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp**  1. Chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp của tổ chức tài chính vi mô bị bắt buộc chấm dứt hoạt động, giải thể khi có bằng chứng chứng minh hồ sơ đề nghị thành lập chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp có thông tin sai sự thực dẫn đến đánh giá sai về việc đáp ứng đủ điều kiện thành lập.  2. Khi phát hiện trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh có văn bản gửi Ngân hàng Nhà nước đề nghị chấm dứt hoạt động, giải thể chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp của tổ chức tài chính vi mô, trong đó nêu rõ lý do đề nghị.  3. Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị chấm dứt hoạt động, giải thể chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp của tổ chức tài chính vi mô của Ngân hàng Nhà nước chi nhánh theo quy định tại khoản 2 Điều này hoặc trong quá trình thanh tra, giám sát phát hiện trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này, Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng trình Thống đốc Ngân hàng Nhà nước có văn bản yêu cầu tổ chức tài chính vi mô chấm dứt hoạt động, giải thể chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp.  4. Trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày Ngân hàng Nhà nước có văn bản yêu cầu tổ chức tài chính vi mô chấm dứt hoạt động, giải thể chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện, đom vị sự nghiệp, tổ chức tài chính vi mô phải hoàn tất việc chấm dứt hoạt động, giải thể chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp và có văn bản thông báo Ngân hàng Nhà nước thời điểm cụ thể và kết quả chấm dứt hoạt động, giải thể.  5. Trong thời hạn 24 tháng kể từ ngày Ngân hàng Nhà nước có văn bản yêu cầu tổ chức tài chính vi mô bắt buộc chấm dứt hoạt động, giải thể chi nhánh, tổ chức tài chính vi mô phải có phương án xử lý phòng giao dịch do chi nhánh đó quản lý đó để đảm bảo tuân thủ quy định tại Thông tư này. | **Điều 27. Bắt buộc chấm dứt hoạt động, giải thể chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp**  1. Chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp của tổ chức tài chính vi mô bị bắt buộc chấm dứt hoạt động, giải thể trong các trường hợp sau:  a) Có bằng chứng chứng minh hồ sơ đề nghị thành lập chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp có thông tin sai sự thực dẫn đến đánh giá sai về việc đáp ứng đủ điều kiện thành lập;  b) Thay đổi địa điểm đặt trụ sở chi nhánh, phòng giao dịch khi chưa được chấp thuận bằng văn bản.  2. Khi phát hiện các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh nơi đặt trụ sở chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp của tổ chức tài chính vi mô có văn bản gửi Ngân hàng Nhà nước (Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng) đề nghị chấm dứt hoạt động, giải thể chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp của tổ chức tài chính vi mô, trong đó nêu rõ lý do đề nghị.  3. Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị chấm dứt hoạt động, giải thể chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp của tổ chức tài chính vi mô của Ngân hàng Nhà nước chi nhánh theo quy định tại khoản 2 Điều này hoặc trong quá trình thanh tra, giám sát phát hiện trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này, Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng có văn bản hoặc trình Thống đốc Ngân hàng Nhà nước có văn bản yêu cầu tổ chức tài chính vi mô chấm dứt hoạt động, giải thể chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp.  4. Trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày Ngân hàng Nhà nước có văn bản yêu cầu tổ chức tài chính vi mô chấm dứt hoạt động, giải thể chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp, tổ chức tài chính vi mô phải hoàn tất việc chấm dứt hoạt động, giải thể chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp và có văn bản báo cáo Ngân hàng Nhà nước (Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng), Ngân hàng Nhà nước chi nhánh về kết quả thực hiện và ngày chấm dứt hoạt động, giải thể.  5. Trong thời hạn 24 tháng kể từ ngày Ngân hàng Nhà nước có văn bản yêu cầu tổ chức tài chính vi mô bắt buộc chấm dứt hoạt động, giải thể chi nhánh, tổ chức tài chính vi mô phải có phương án xử lý phòng giao dịch do chi nhánh đó quản lý đó để đảm bảo tuân thủ quy định tại Thông tư này. | Sửa đổi, bổ sung để phù hợp với quy định về thẩm quyền chấp thuận về mạng lưới tại dự thảo Thông tư. |
|  | **Điều 28. Công bố thông tin về việc chấm dứt hoạt động, giải thể chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp**  1. Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày chấm dứt hoạt động, giải thể chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp, tổ chức tài chính vi mô phải thực hiện niêm yết công khai tại trụ sở chính, trụ sở đơn vị chấm dứt hoạt động, giải thể, trụ sở chi nhánh quản lý phòng giao dịch (trường hợp chấm dứt hoạt động phòng giao dịch) và công bố thông tin về việc chấm dứt hoạt động, giải thể trên Cổng thông tin điện tử của Ngân hàng Nhà nước và tổ chức tài chính vi mô (nếu có), một tờ báo viết hàng ngày của trung ương, địa phương trong 03 số liên tiếp hoặc báo điện tử của Việt Nam.  2. Nội dung công bố, niêm yết công khai tối thiểu bao gồm:  a) Tên, địa chỉ của chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp chấm dứt hoạt động, giải thể;  b) Ngày chấm dứt hoạt động, giải thể;  c) Trách nhiệm của tổ chức tài chính vi mô về tài sản, quyền, nghĩa vụ và các lợi ích liên quan của chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp chấm dứt hoạt động, giải thể. | **Điều 28. Công bố thông tin về việc chấm dứt hoạt động, giải thể chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp**  1. Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày chấm dứt hoạt động, giải thể chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp (trừ trường hợp đương nhiên chấm dứt hoạt động, giải thể theo quy định tại Điều 25 Thông tư này), tổ chức tài chính vi mô phải thực hiện công bố các thông tin sau:  a) Tên, địa chỉ của chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp chấm dứt hoạt động, giải thể;  b) Ngày chấm dứt hoạt động, giải thể;  c) Trách nhiệm của tổ chức tài chính vi mô về tài sản, quyền, nghĩa vụ và các lợi ích liên quan của chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp chấm dứt hoạt động, giải thể.  2. Tổ chức tài chính vi mô phải công bố các thông tin quy định tại các khoản 1 Điều này trên:  a) Trang thông tin điện tử của tổ chức tài chính vi mô (nếu có), trụ sở chi nhánh, phòng giao dịch có liên quan của tổ chức tài chính vi mô;  b) Cổng thông tin điện tử của Ngân hàng Nhà nước. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của tổ chức tài chính vi mô, Ngân hàng Nhà nước (Vụ Truyền Thông) thực hiện công bố thông tin trên Cổng thông tin điện tử của Ngân hàng Nhà nước;  c) Trên 01 tờ báo in hằng ngày trong 03 số liên tiếp hoặc trên 01 báo điện tử của Việt Nam. | Chỉnh sửa kỹ thuật nội dung cho rõ ràng hơn. |
|  |  | **Chương V**  **THÔNG BÁO CHO CƠ QUAN ĐĂNG KÝ KINH DOANH** |  |
|  |  | **Điều 29. Tổ chức tài chính vi mô cung cấp thông tin cho Ngân hàng Nhà nước chi nhánh để thông báo cho cơ quan đăng ký kinh doanh**  1. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày khai trương hoạt động chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp, tổ chức tài chính vi mô có văn bản thông báo gửi Ngân hàng Nhà nước chi nhánh nơi đặt trụ sở chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp về việc đã khai trương hoạt động.  2. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày chi nhánh, phòng giao dịch bắt đầu hoạt động tại địa điểm mới, tổ chức tài chính vi mô có văn bản thông báo gửi Ngân hàng Nhà nước chi nhánh nơi đặt trụ sở chi nhánh, phòng giao dịch về việc đã hoạt động tại địa điểm mới.  3. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày quyết định thay đổi người đứng đầu chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện, tổ chức tài chính vi mô có trách nhiệm báo cáo bằng văn bản cho Ngân hàng Nhà nước chi nhánh nơi đặt trụ sở chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện việc thay đổi thông tin về người đứng đầu. | Bổ sung quy định làm cơ sở cho việc thực hiện quy định tại Điều 38 Luật Các TCTD. |
|  |  | **Điều 30. Thông báo thông tin cho cơ quan đăng ký kinh doanh**  1. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản của tổ chức tài chính vi mô theo quy định tại khoản 1 Điều 29 Thông tư này, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh có trách nhiệm thông báo bằng văn bản thông tin về người đứng đầu, thông tin về tên, thông tin về địa chỉ của chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện kèm theo văn bản chấp thuận thành lập chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện cho cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh.  2. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản của tổ chức tài chính vi mô theo quy định tại khoản 2 Điều 21, khoản 2 Điều 29 Thông tư này, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh có trách nhiệm thông báo bằng văn bản việc thay đổi thông tin về địa chỉ của chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện kèm theo văn bản chấp thuận thay đổi địa điểm đặt trụ sở chi nhánh, phòng giao dịch (nếu có) cho cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh.  3. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản của tổ chức tài chính vi mô quy định tại Điều 19, khoản 2 Điều 21, khoản 3 Điều 29 Thông tư này, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh có trách nhiệm thông báo bằng văn bản việc thay đổi thông tin về người đứng đầu, thông tin về tên của chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện cho cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh.  4. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản của tổ chức tai chính vi mô quy định tại khoản 3, khoản 4 Điều 26 và khoản 4 Điều 27 Thông tư này, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh có trách nhiệm thông báo bằng văn bản kèm theo báo cáo của tổ chức tài chính vi mô cho cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh. | Bổ sung quy định để hướng dẫn nội dung quy định về thông báo thông tin cho cơ quan đăng ký kinh doanh tại Điều 38 Luật Các TCTD. |
|  | **Chương V**  **ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH** | **Chương VI**  **TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC ĐƠN VỊ** |  |
|  | **Điều 29. Trách nhiệm của tổ chức tài chính vi mô**  1. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính đầy đủ, chính xác của các thông tin, tài liệu cung cấp tại hồ sơ.  2. Kịp thời thông báo cho Ngân hàng Nhà nước về bất kỳ thay đổi nào liên quan đến việc đáp ứng điều kiện, hồ sơ theo quy định tại Thông tư này phát sinh trong thời gian Ngân hàng Nhà nước đang xem xét đề nghị của tổ chức tài chính vi mô. | **Điều 31. Trách nhiệm của tổ chức tài chính vi mô**  1. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính đầy đủ, chính xác của các thông tin, tài liệu cung cấp tại hồ sơ.  2. Kịp thời thông báo cho Ngân hàng Nhà nước, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh nơi đặt trụ sở chi nhánh, phòng giao dịch về bất kỳ thay đổi nào liên quan đến việc đáp ứng điều kiện, hồ sơ theo quy định tại Thông tư này phát sinh trong thời gian Ngân hàng Nhà nước, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh nơi đặt trụ sở chi nhánh, phòng giao dịch đang xem xét đề nghị của tổ chức tài chính vi mô.  3. Chịu trách nhiệm về tổ chức và hoạt động của chi nhánh, phòng giao dịch. Báo cáo Ngân hàng Nhà nước chi nhánh nơi đặt trụ sở chi nhánh, phòng giao dịch việc xử lý các vấn đề phát sinh liên quan đến tổ chức, hoạt động chi nhánh, phòng giao dịch trên địa bàn.  4. Quản lý, giám sát thường xuyên hoạt động của chi nhánh, phòng giao dịch.  5. Thực hiện các nội dung khác quy định tại Thông tư này. | Sửa đổi, bổ sung để đảm bảo xác định rõ trách nhiệm của tổ chức TCVM trong việc thực hiện các quy định tại dự thảo Thông tư. |
|  | **Điều 30. Trách nhiệm của Ngân hàng Nhà nước chi nhánh**  1. Tiếp nhận hồ sơ, chấp thuận đối với các nội dung quy định tại khoản 2 Điều 4 Thông tư này.  2. Chỉ đạo, giám sát, kiểm tra tổ chức tài chính vi mô trong việc thực hiện Phương án xử lý theo quy định tại khoản 5 Điều 17 Thông tư này.  3. Tiếp nhận báo cáo, thông báo của tổ chức tài chính vi mô theo quy định tại Thông tư này.  4. Phối hợp với Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng xử lý các vấn đề phát sinh liên quan đến tổ chức, hoạt động chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp của tổ chức tài chính vi mô trên địa bàn.  5. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày Ngân hàng Nhà nước chi nhánh có văn bản chấp thuận theo thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều 4 Thông tư này hoặc từ ngày nhận được thông báo của tổ chức tài chính vi mô theo quy định tại Thông tư này, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh có văn bản gửi Ngân hàng Nhà nước thông tin về các nội dung sau:  a) Việc khai trương chi nhánh, phòng giao dịch;  b) Việc thay đổỉ tên, địa điểm đặt trụ sở chi nhánh, phòng giao dịch;  c) Việc thay đổi chi nhánh quản lý phòng giao dịch;  d) Việc tự nguyện chấm dứt hoạt động chi nhánh, phòng giao dịch. | **Điều 32. Trách nhiệm của Ngân hàng Nhà nước chi nhánh nơi tổ chức tài chính vi mô đặt trụ sở chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp**  1. Chịu trách nhiệm trước Thống đốc Ngân hàng Nhà nước khi thực hiện các vấn đề theo thẩm quyền được quy định tại Thông tư này.  2. Tiếp nhận hồ sơ, chấp thuận hoặc không chấp thuận theo quy định tại Điều 20, Điều 26 Thông tư này đối với các trường hợp thuộc thẩm quyền của Giám đốc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh quy định tại khoản 3 Điều 4 Thông tư này.  3. Quản lý, thanh tra, kiểm tra, giám sát hoạt động của chi nhánh, phòng giao dịch, đơn vị sự nghiệp, văn phòng đại diện của tổ chức tài chính vi mô trên địa bàn, trong đó bao gồm cả thanh tra, kiểm tra theo kế hoạch hoặc trong trường hợp xét thấy cần thiết việc đáp ứng các yêu cầu khai trương hoạt động, thay đổi địa điểm của chi nhánh, phòng giao dịch sau khi tổ chức tài chính vi mô khai trương hoạt động, thay đổi địa điểm đặt trụ sở chi nhánh, phòng giao dịch.  4. Xử lý các vấn đề phát sinh liên quan đến tổ chức, hoạt động chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp của tổ chức tài chính vi mô trên địa bàn.  5. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông tin của tổ chức tài chính vi mô theo quy định tại khoản 1 Điều 29 Thông tư này, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh báo cáo Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng) về việc khai trương hoạt động của chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp của tổ chức tài chính vi mô trên địa bàn.  6. Thực hiện các nội dung khác quy định tại Thông tư này. | Sửa đổi, bổ sung để đảm bảo xác định rõ trách nhiệm của NHNN chi nhánh trong việc thực hiện các quy định tại dự thảo Thông tư. |
|  | **Điều 31. Trách nhiệm của Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng**  1. Đầu mối tiếp nhận, thẩm định và trình Thống đốc Ngân hàng Nhà nước chấp thuận đối với các nội dung quy định tại khoản 1 Điều 4 Thông tư này.  2. Phối hợp với Ngân hàng Nhà nước chi nhánh xử lý các vấn đề phát sinh liên quan đến tổ chức và hoạt động chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp của tổ chức tài chính vi mô trên địa bàn.  3. Tiếp nhận báo cáo, thông báo của Ngân hàng nhà nước chi nhánh và tổ chức tài chính vi mô theo quy định tại Thông tư này. | **Điều 33. Trách nhiệm của Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng**  1. Chịu trách nhiệm trước Thống đốc Ngân hàng Nhà nước khi thực hiện các vấn đề theo thẩm quyền được quy định tại Thông tư này.  2. Đầu mối tiếp nhận, xem xét và trình Thống đốc Ngân hàng Nhà nước chấp thuận hoặc không chấp thuận theo quy định tại Điều 15, Điều 27 Thông tư này đối với các trường hợp thuộc thẩm quyền của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quy định tại khoản 1 Điều 4 Thông tư này.  3. Tiếp nhận hồ sơ, chấp thuận hoặc không chấp thuận theo quy định tại Điều 16, Điều 27 Thông tư này đối với các trường hợp thuộc thẩm quyền của Chánh Thanh tra, giám sát ngân hàng quy định tại khoản 2 Điều 4 Thông tư này.  4. Đầu mối xem xét, trình Thống đốc Ngân hàng Nhà nước xử lý các vấn đề phát sinh liên quan đến việc thành lập, chấm dứt hoạt động, giải thể chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp của tổ chức tài chính vi mô.  5. Cung cấp văn bản chấp thuận thành lập chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện quy định tại Điều 15, Điều 16 Thông tư này cho Ngân hàng Nhà nước chi nhánh nơi tổ chức tài chính vi mô dự kiến đặt trụ sở chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện để thông báo cho cơ quan đăng ký kinh doanh.  6. Tiếp nhận báo cáo, thông báo của Ngân hàng nhà nước chi nhánh và tổ chức tài chính vi mô theo quy định tại Thông tư này.  7. Thực hiện các nội dung khác quy định tại Thông tư này. | Sửa đổi, bổ sung để đảm bảo xác định rõ trách nhiệm của CQTTGSNH trong việc thực hiện các quy định tại dự thảo Thông tư. |
|  |  | **Chương VII**  **ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH** |  |
|  |  | **Điều 34. Quy định chuyển tiếp**  1. Tổ chức tài chính vi mô không phải điều chỉnh số lượng chi nhánh, phòng giao dịch đã thành lập trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành. Trường hợp thành lập mới đơn vị mạng lưới thì phải tuân thủ các quy định tại Thông tư này.  2. Giám đốc chi nhánh, Trưởng phòng giao dịch của tổ chức tài chính vi mô được tiếp tục giữ chức vụ cho đến hết thời gian bổ nhiệm. Trường hợp bổ nhiệm mới, Giám đốc chi nhánh, Trưởng phòng giao dịch của tổ chức tài chính vi mô phải đáp ứng tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định tại Luật Các tổ chức tín dụng và các quy định của pháp luật có liên quan. | Quy định để tạo cơ sở cho việc thực hiện của các tổ chức TCVM. |
|  | **Điều 32. Hiệu lực thi hành**  1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2020.  2. Tổ chức tài chính vi mô không phải điều chỉnh theo quy định tại Điều 8 và điểm c khoản 2 Điều 12 Thông tư này đối với các chi nhánh và phòng giao dịch đã được thành lập trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành.  3. Thông tư số 08/2009/TT-NHNN ngày 28 tháng 4 năm 2009 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước hướng dẫn về mạng lưới hoạt động của tổ chức tài chính quy mô nhỏ hết hiệu lực kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành. | **Điều 35. Hiệu lực thi hành**  1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày..... tháng.....năm 2024.  2. Thông tư số 19/2019/TT-NHNN ngày 05 tháng 11 năm 2019 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quy định về mạng lưới hoạt động của tổ chức tài chính vi mô hiệu lực kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành. |  |
|  | **Điều 33. Tổ chức thực hiện**  Chánh Văn phòng, Chánh Thanh tra, giám sát ngân hàng, Thủ trưởng các đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước, Giám đốc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, Chủ tịch và thành viên Hội đồng thành viên và Tổng giám đốc (Giám đốc) tổ chức tài chính vi mô có trách nhiệm tổ chức thực hiện Thông tư này./. | **Điều 36. Tổ chức thực hiện**  Chánh Văn phòng, Chánh Thanh tra, giám sát ngân hàng, Thủ trưởng các đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, tổ chức tài chính vi mô chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện Thông tư này./. |  |

**NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC**